



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: VỪA LÀM VỪA HỌC

Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Mã chương trình đào tạo: VLVH7340201

Quảng Ninh 2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: VỪA LÀM VỪA HỌC

Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

Mã ngành: 7340201

Mã chương trình đào tạo: VLVH7340201

Quảng Ninh 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 390/QĐ-ĐHCNQN, ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Tên chương trình: Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng

Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

Tên tiếng Anh (tên ngành): Finance and Banking

Mã ngành: 7340201 - Mã chương trình đào tạo: VLVH7340201

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Tầm nhìn- Sứ mạng- Triết lý giáo dục của Nhà trường

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước và khu vực về công nghiệp và dịch vụ theo hướng ứng dụng.

Sứ mạng: Là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; Là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ về các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

Triết lý giáo dục: Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là một hệ giá trị mang tính toàn diện, bao gồm: Liêm chính – Đoàn kết – Trách nhiệm – Sáng tạo.

1.2. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính ngân hàng có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có sức khỏe; thích nghi với môi trường làm việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có kiến thức về KHCB, LLCT, GDQPAN, Ngoại ngữ, tin học, có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng thực hành cơ bản, có năng lực sáng tạo khoa học kỹ thuật, có khả năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính ngân hàng.

1.3. Mục tiêu cụ thể

A. Về kiến thức

+ Kiến thức giáo dục đại cương

A1. Có Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn.

A2. Có kiến thức về toán học, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên môn và học tập nâng cao trình độ.

A3. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ Kiến thức chuyên môn

A4. Có kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống tài chính ngân hàng như: hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế, tài chính trong nền kinh tế; nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn...Có khả năng tự cập nhật các vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng để phục vụ công tác chuyên môn.

A5. Có kiến thức tổng hợp và toàn diện về tài chính doanh nghiệp, nắm vững các mối quan hệ tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu biết về đặc điểm và tác dụng của các công cụ tài chính, các công cụ quản trị tài chính doanh nghiệp. Có kiến thức và nắm vững các quy định của nhà nước về quản lý tài chính doanh nghiệp, về cơ chế giám sát tài chính doanh nghiệp.

A6. Phân tích, đánh giá các quy luật kinh tế, các mối quan hệ tài chính, nhận diện rủi ro, nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp để tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính hiệu quả.

A7. Có khả năng thiết lập hệ thống giám sát, quản trị rủi ro tài chính, quản trị dòng tiền, dự báo tài chính cho các doanh nghiệp, xây dựng được cơ chế quản lý tài chính để có thể trở thành một CFO.

B. Về kỹ năng

B1. Có năng lực về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng lập luận, tính toán đáp ứng nhu cầu của công việc thực tế

B2. Có kỹ năng đánh giá, phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo, năng lực dẫn dắt, giải quyết vấn đề.

B3. Có kỹ năng thực hiện các hoạt động, các thao tác tính toán chính xác, linh hoạt trong lĩnh vực được học.

- Kỹ năng thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ trong quản trị tài chính doanh nghiệp, trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, của các tổ chức tín dụng, nghiệp vụ quản lý tiền tệ tín dụng ngân hàng của ngân hàng nhà nước;

- Kỹ năng lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu tham gia hoạch định chính sách tài chính của doanh nghiệp.

- Kỹ năng quản trị ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng (lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát đánh giá hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng).

- Kỹ năng đánh giá, phản biện các vấn đề chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tài chính doanh nghiệp

- Kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tài chính doanh nghiệp

B4. Kỹ năng cần thiết để có thể, phát hiện giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

B5. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

B6. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

B7. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

B8. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

C. Mức tự chủ và trách nhiệm

C1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

C2. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng.

C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến ngành tài chính ngân hàng.

1.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng sau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

1.4.1. Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn như: nhân viên tài chính, kế toán viên, kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

1.4.2. Có thể làm việc chuyên môn tại các cơ quan quản lý Nhà nước như: Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính các tỉnh, Các Cục và Chi cục thuế, Kho Bạc nhà nước, các Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Chính sách tài chính... thuộc các Bộ, Ban, Ngành.

1.4.3. Có thể làm nhà môi giới đầu tư trên TTCK; các chuyên gia tư vấn tài chính tại các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Công ty Tài chính, Công ty Kiểm toán, Sở Giao dịch chứng khoán, làm chuyên viên tín dụng tại các tổ chức Tài chính - Tín dụng, Chuyên viên tái thẩm định tại các ngân hàng.

1.4.4. Có thể trở thành giảng viên giảng dạy các môn học về tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và định giá chứng khoán, lý thuyết tài chính tiền tệ tại các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng; làm nghiên cứu viên tại các cơ quan nghiên cứu khoa học, các Viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng nói chung và Tài chính doanh nghiệp nói riêng.

1.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, như học lên thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

II. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

III. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

+ *Kiến thức giáo dục đại cương*

3.1.1. Hiểu được Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, kinh tế học đại cương, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, vận dụng được các kiến thức LLCT, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3.1.2. Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

3.1.3. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ *Kiến thức chuyên môn*

3.1.4. Có kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống tài chính ngân hàng như: hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế, tài chính trong nền kinh tế; nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn....Có khả năng tự cập nhật các vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng để phục vụ công tác chuyên môn.

3.1.5. Có kiến thức tổng hợp và toàn diện về tài chính doanh nghiệp, nắm vững các mối quan hệ tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu biết về đặc điểm và tác dụng của các công cụ tài chính, các công cụ quản trị tài chính doanh nghiệp. Có kiến thức và nắm vững các quy định của nhà nước về quản lý

tài chính doanh nghiệp, về cơ chế giám sát tài chính doanh nghiệp.

3.1.6. Phân tích, đánh giá các quy luật kinh tế, các mối quan hệ tài chính, nhận diện rủi ro, nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp để tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính hiệu quả.

3.1.7. Có khả năng thiết lập hệ thống giám sát, quản trị rủi ro tài chính, quản trị dòng tiền, dự báo tài chính cho các doanh nghiệp, xây dựng được cơ chế quản lý tài chính để có thể trở thành một CFO.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương

3.2.2. Thực hiện các hoạt động, các thao tác tính toán chính xác, linh hoạt trong lĩnh vực được học:

- Kỹ năng thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ trong quản trị tài chính doanh nghiệp, trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, của các tổ chức tín dụng, nghiệp vụ quản lý tiền tệ tín dụng ngân hàng của ngân hàng nhà nước;

- Kỹ năng lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu tham gia hoạch định chính sách tài chính của doanh nghiệp.

- Kỹ năng quản trị ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng (lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát đánh giá hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng).

- Kỹ năng đánh giá, phân biện các vấn đề chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tài chính doanh nghiệp

- Kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tài chính doanh nghiệp

3.2.3. Kỹ năng cần thiết để có thể, phát hiện giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

3.2.4. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

3.2.5. Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

3.2.6. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

3.2.7. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

3.3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

3.3.2. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng.

3.3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến ngành tài chính ngân hàng.

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																	
	Kiến thức							Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm			
	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.1.6	3.1.7	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.2.6	3.2.7	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4
A1	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A2		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A3		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A4		✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A5		✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A6		✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A7		✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B1								✓				✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B2		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B3		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B4		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B5		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B6		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B7		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
B8		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
C1		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
C2		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
C3		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
C4		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

IV. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 05 năm

V. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 140 tín chỉ

(không kể học phần giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

VI. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

5.1. Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

5.2. Người tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

VII. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành.

VIII. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

8.1. Phương pháp giảng dạy

1. Thuyết giảng/thuyết trình

Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.

2. Giải thích cụ thể

Giáo viên sẽ giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, hoặc các vấn đề trong thực tế xã hội giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng.

3. Thảo luận

Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.

4. Đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề

Giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiến sinh viên phát hiện vấn đề hay thách thức trong thực tế để sinh viên hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề bằng quan điểm cá nhân và kiến thức đã lĩnh hội. Thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác

5. Thực hành

Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho

đến phức tạp.

6. Thực tế

Sinh viên được tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp qua đó việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.

7. Làm việc nhóm

Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiện thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide.

8. Đọc và nghiên cứu tài liệu

Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học.

9. Khóa luận tốt nghiệp

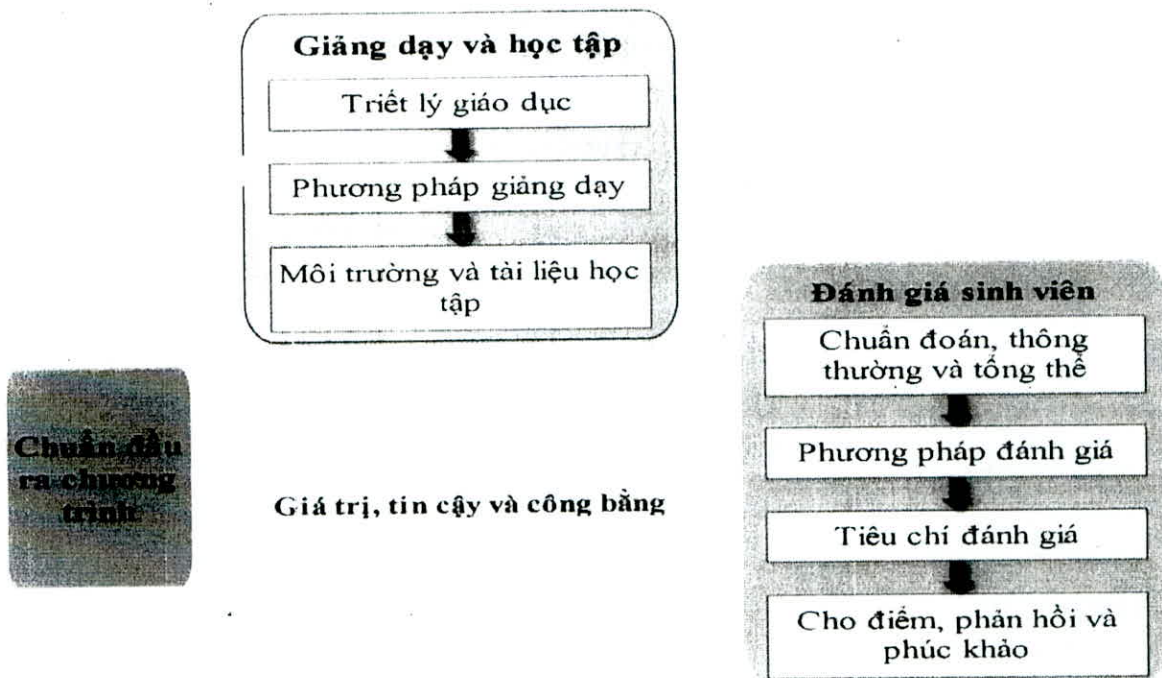
Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.

Ngoài ra còn ứng dụng phương pháp dạy học bằng công nghệ (Giáo viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (Teams, zoom, Facebook, Zalo ...).

8.2. Đánh giá kết quả học tập

8.2.1. Quy trình đánh giá

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, việc đánh giá đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khác quan, vấn đáp, bài kiểm tra ngắn, bài tiểu luận, bài thi thực hành, tham quan doanh nghiệp, thực tập doanh nghiệp, đo lường trong phòng thí nghiệm, bài trình bày, ... Chuẩn đánh giá là các rubrics học phần, gồm rubrics thang điểm, rubrics phân tích và một số rubrics tổng hợp và đáp án môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo qui trình [Hình 1].



Hình 1. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

8.2.2. Cách tính điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 sử dụng cho điểm thành phần của học phần.

Thang điểm 10			Điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
8,5	÷	10	A	4,0	Đạt
7,0	÷	8,4	B	3,0	
5,5	÷	6,9	C	2,0	
4,0	÷	5,4	D	1,0	
Dưới 4,0			F	0	Không đạt

8.2.3. Rubric đánh giá

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Học phần: Thực tập tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: Đánh giá kỹ năng Báo cáo thực tập (dành cho Báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành thực tập tốt nghiệp sinh viên cần phải đạt được:

➤ 1. Yêu cầu về báo cáo thực tập tốt nghiệp:

- ❖ 1.1. Để được chấm báo cáo, sinh viên phải trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng theo mẫu của Bộ môn. nếu không đúng yêu cầu, báo cáo của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu cần phải nêu lý do tại sao lại trình bày khác mẫu.
- ❖ 1.2. Trình bày theo mẫu gồm:

- Trình bày đúng font chữ và cách căn chỉnh lề
- Trình bày đúng theo cấu trúc và format
- Trình bày đúng nội dung của từng mục

➤ **2. Yêu cầu về kỹ năng mềm**

- ❖ 2.1. Có kỹ năng viết một báo cáo thực tập
- ❖ 2.2. Có kỹ năng trình bày slide và thuyết trình một báo cáo thực tập
- ❖ 2.3. Có kỹ năng làm việc theo nhóm đi thực tập cùng một nơi
- ❖ 2.4. Có kỹ năng trả lời các câu hỏi

b. Đánh giá báo cáo thực tập

1. Hình thức báo cáo thực tập có được trình bày theo mẫu – mục 1 (2,0 điểm) (mỗi mục nhỏ 0.5 điểm)		
1.1. Nội dung của các mục trong trang thông tin kết quả nghiên cứu có rõ ràng và phù hợp với tiêu đề các mục		
1.2. Câu từ, văn phong sử dụng trong đồ án rõ ràng, phù hợp với nội dung nghiên cứu		
1.3. Hình thức trình bày đúng theo mẫu quy định		
1.4. Hình ảnh, hình vẽ, đồ thị,... được sử dụng trong báo cáo thực tập được trình bày hợp lý, đẹp và rõ ràng và phù hợp với nội dung cần minh họa		
2. Điểm thuyết trình (2 điểm)		
1.5. Cách trình bày slide (1 điểm)		
0.5 điểm Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ	0.5 điểm Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều	1 điểm Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh.
1.6. Cách trình bày báo cáo của sinh viên (1 điểm) (mỗi phần tích 0.5 điểm)		
1.2.1. Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định		
1.2.2. Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe, hấp dẫn và thu hút người nghe.		
2. Điểm chấm báo cáo (2 điểm)		
1,0 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày các nội dung sơ sài, không đảm bảo theo yêu cầu của đề cương	1.5 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày đầy đủ các nội dung, đảm bảo theo yêu cầu của đề cương nghiên	2 điểm Trong báo cáo sinh viên trình bày đầy đủ được nội dung của tất cả các phần theo yêu cầu,

nghiên cứu	cứu	
4. Trả lời câu hỏi (5,0 điểm). Mỗi câu từ 0,5 đến 1,0 điểm		
4.1.. Tổng số câu hỏi (3 – 5 câu)		
4.2.. Tổng số câu hỏi sinh viên trả lời được		

RUBRIC ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Học phần: Khóa luận tốt nghiệp

Loại hình đánh giá: **Rubric đánh giá nội dung khóa luận**

(dành cho GVHD, GVPB và báo cáo hội đồng)

a. Sau khi hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp sinh viên phải đạt được những yêu cầu sau:

1. Yêu cầu về quyển Khóa luận:

1.1. Để được chấm, bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải trình bày Khóa luận đúng theo mẫu, đáp ứng các yêu cầu chất lượng nội dung Khóa luận của Bộ môn và được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn, nếu không Khóa luận của sinh viên sẽ không được chấm điểm. Nếu trình bày khác mẫu, nội dung chưa đáp ứng yêu cầu cần phải nêu lý do.

1.2 Trình bày theo mẫu gồm:

- Trình bày đúng font chữ và các cách căn chỉnh lề
- Trình bày đúng theo cấu trúc và format
- Trình bày đúng nội dung của từng mục
- Chất lượng các nội dung phải đáp ứng yêu cầu của Bộ môn

2. Yêu cầu chuẩn đầu ra:

2.1. Biết vận dụng, chất lọc và tổng hợp các kiến thức lý thuyết được trang bị làm cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu

2.2. Tổng hợp, phân tích và đánh giá được các điều kiện địa lý tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của vùng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập.

2.2. Biết áp dụng phương pháp thu thập tài liệu tại đơn vị thực tập, tổng hợp các kết quả đạt được có độ tin cậy, rõ ràng và đạt được mục tiêu yêu cầu của đồ án tốt nghiệp.

2.3. Biết tổng hợp, phân tích và đánh giá có cơ sở khoa học và thực tiễn thực trạng hoạt động của đơn vị thực tập và đưa ra các nhận định của bản thân về công tác quản trị và thực hiện hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập;

2.4. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đưa ra các giải pháp phù hợp, có hiệu quả cao, có khả năng áp dụng vào thực tế, có khả năng phát triển và nhân rộng;

2.5. Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản, các phần mềm chuyên môn trong

việc giải quyết các vấn đề của khóa luận tốt nghiệp;

2.6. Có các kỹ năng tìm hiểu, tham khảo, khai thác các tài liệu liên quan, đặc biệt là tài liệu tham khảo chuyên môn.

b. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp (GVHD, GVPB)

Đồ án có được trình bày theo mẫu – mục 1 (2,0 điểm) (mỗi mục nhỏ 0.5 điểm)			
2.1. Nội dung của các mục trong trang thông tin kết quả nghiên cứu có rõ ràng và phù hợp với tiêu đề các mục			<input type="checkbox"/>
2.2. Câu từ, văn phong sử dụng trong khóa luận rõ ràng, phù hợp với nội dung nghiên cứu			<input type="checkbox"/>
2.3. Hình thức trình bày đúng theo mẫu quy định			<input type="checkbox"/>
2.4. Hình ảnh, hình vẽ, đồ thị,... được sử dụng trong khóa luận được trình bày hợp lý, đẹp và rõ ràng và phù hợp với nội dung cần minh họa			<input type="checkbox"/>
3. Phần I - Cơ sở lý luận chung về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận (2 điểm) – mục 2.1. 2.2			
0,5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm	2,0 điểm
Kiến thức được đưa vào một cách qua loa, không chọn lọc và chủ yếu là copy and paste	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc nhưng chủ yếu là copy and paste	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên	Kiến thức được đưa vào có chọn lọc và được viết lại theo ngôn ngữ của sinh viên. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
4. Phần II: Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập theo nội dung nghiên cứu (3,0 điểm) - mục 2.2, 2.3, 2.5, 2.6			
4.1. Tổng hợp số liệu để giải quyết vấn đề hợp lý, rõ ràng, phù hợp với thực tế (1,5 điểm)			<input type="checkbox"/>
0.25 điểm	0.5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm
Số liệu tổng hợp sơ sài, chưa rõ ràng, không khoa học, không có tính thuyết phục	Số liệu tổng hợp đầy đủ, rõ ràng, khoa học, ít tính thuyết phục	Số liệu tổng hợp đầy đủ, phong phú, rõ ràng, có khoa học, tính thuyết phục thấp	Số liệu tổng hợp đầy đủ, phong phú, rõ ràng, có căn cứ khoa học, có tính thuyết phục cao
4.2. Phương pháp phân tích, đánh giá khoa học, kết quả phân tích, đánh giá chính xác, phù hợp với thực tế (1,5 điểm) - mục 2.4, 2.5, 2.6			<input type="checkbox"/>

0,25 điểm	0,5 điểm	1,0 điểm	1,5 điểm
Phương pháp phân tích, đánh giá chưa khoa học, kết quả phân tích, đánh giá không chính xác, sơ sài	Phương pháp phân tích, đánh giá chưa khoa học, kết quả phân tích, đánh giá với độ chính xác chưa cao	Phương pháp phân tích, đánh giá khoa học, kết quả phân tích, đánh giá chính xác, chưa đưa ra nhận định của bản thân và ít có liên hệ thực tế	Phương pháp phân tích, đánh giá khoa học, kết quả phân tích, đánh giá chính xác, hợp lý, đưa ra nhận định của bản thân và có liên hệ thực tế

5. Phần III: Giải pháp cho vấn đề nghiên cứu (30 điểm)

5.1. Phần trình bày, luận giải các giải pháp (2,0 điểm)

0,5 điểm	1,5 điểm	2,0 điểm
Các giải pháp được trình bày chưa hợp lý, rõ ràng, chưa phù hợp với mục tiêu đặt ra. Không có tính thuyết phục. Số lượng giải pháp chưa đảm bảo yêu cầu tối thiểu (<3)	Các giải pháp được trình bày hợp lý, rõ ràng, ít tính thuyết phục. phù hợp với mục tiêu đặt ra. Số lượng giải pháp đảm bảo yêu cầu	Các giải pháp được trình bày hợp lý, rõ ràng, khoa học, có tính thuyết phục cao, phù hợp với mục tiêu đặt ra. Số lượng giải pháp đảm bảo yêu cầu.

5.2. Tính sáng tạo và khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD (1,0 điểm)



0,25 điểm	0,75 điểm	1,0 điểm
Các giải pháp không có tính sáng tạo và ít có khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD	Các giải pháp ít có tính sáng tạo và ít có khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD	Các giải pháp có tính sáng tạo và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn SXKD

c. Đánh giá kỹ năng báo cáo Khóa luận tốt nghiệp (Hội đồng đánh giá)

I. Điểm trình bày (2,0 điểm)			
1.1. Cách trình bày slide kèm theo treo các hình vẽ, đồ thị minh họa (1,0 điểm)			
0,25 điểm	0,5 điểm	0,75 điểm	1,0 điểm
Slide không sử dụng hình ảnh, chỉ toàn chữ, không treo bản vẽ minh họa.	Slide sử dụng chữ là chủ đạo, ít hình ảnh, có treo bản vẽ minh họa nhưng không đủ.	Slide có sử dụng hình ảnh, biểu đồ. Tuy nhiên phần chữ vẫn còn nhiều có đủ	Slide được trình bày hợp lý, đẹp mắt. Slide có nhiều hình ảnh, có hình vẽ minh họa sạch đẹp, đúng quy

		hình vẽ minh họa	định.
1.2. Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng (0,75 điểm)			
0, 25 điểm	0.5 điểm	0,75 điểm	
Sinh viên chỉ đọc những chữ có trong slide	Sinh viên trình bày chưa tự tin, chưa mạch lạc	Sinh viên có sự chuẩn bị tốt: trình bày tự tin, trôi chảy, rõ ràng.	
1.3. Cách trình bày khóa luận nghiệp của sinh viên (0.5 điểm) (mỗi phần tích 0.25 điểm)			
1.3.1 Sinh viên trình bày đúng thời gian quy định			<input type="checkbox"/>
1.3.2 Sinh viên khi trình bày có sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp ánh mắt với người nghe			<input type="checkbox"/>
2. Điểm đánh giá các nội dung trình bày (3 điểm)			
0.75 điểm	1,5 điểm	2,25 điểm	3,0 điểm
Chỉ trình bày được 1/4 nội dung của khóa luận, không nắm vững các kiến thức chuyên môn.	Chỉ trình bày được 1/2 nội dung của khóa luận, nắm các kiến thức chuyên môn không sâu.	Trình bày được 3/4 nội dung của khóa luận, nắm vững các kiến thức chuyên môn tương đối chắc.	Trình bày được đầy đủ các nội dung của khóa luận, nắm chắc các kiến thức chuyên môn. Ngoài ra có các nhận xét của sinh viên cho từng phần
3. Trả lời câu hỏi (5,0 điểm). Mỗi câu từ 0,5 đến 1,0 điểm			
3.1. Tổng số câu hỏi (3 – 5 câu)			
3.2. Tổng số câu hỏi sinh viên trả lời được			
4. Nhận xét về sinh viên: Có dấu hiệu sinh viên không hiểu nội dung khóa luận			<input type="checkbox"/>
Điểm đồ án bằng 0	70% điểm đồ án	100% điểm đồ án	
Nếu sinh viên có dấu hiệu không hiểu khóa luận thì điểm khóa luận sẽ bằng 0 (sinh viên không trả lời được câu hỏi nào hoặc các câu trả lời không đúng với nội dung câu hỏi)	Sinh viên chỉ nắm được 1 phần nội dung khóa luận của mình (sinh viên chỉ trả lời được ½ số câu hỏi của hội đồng hoặc các câu trả lời của sinh viên trả lời chưa đúng với trọng tâm câu hỏi)	Sinh viên nắm được phần lớn nội dung khóa luận của mình (sinh viên trả lời được hầu hết các câu hỏi có trong nội dung khóa luận của hội đồng. Câu trả lời của sinh viên trả lời đa phần đúng với trọng tâm câu hỏi)	

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

9.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Phần chương trình	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	47
1.1	Toán và khoa học cơ bản	11
1.2	Lý luận chính trị	11
1.3	Khoa học xã hội - Nhân văn	8
1.4	Giáo dục thể chất	4
1.5	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8.5 (Chứng chỉ)
1.6	Tiếng Anh	14
1.7	Kỹ năng mềm	3
2	Giáo dục chuyên nghiệp	93
2.1	Cơ sở ngành	56
2.2	<i>Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp</i>	37
2.2.1	Khối lượng bắt buộc	33
2.2.2	Khối lượng tự chọn	4
2.3	Thực tập tốt nghiệp	4
2.4	Khóa luận tốt nghiệp	6
Tổng khối lượng (không bao gồm GDTC và GDQP)		140

9.2. Danh mục khối lượng các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
9.1			KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	47	44	3
9.1.1			Lý luận chính trị	11	11	0
1	02CHINHTRI302	LLCT	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	02CHINHTRI303	LLCT	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	02CHINHTRI201	LLCT	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
4	02CHINHTRI304	LLCT	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0
5	02CHINHTRI305	LLCT	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
9.1.2			Khoa học xã hội - Nhân văn	8	8	0
6	02LUAT101	LLCT	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	02KHXH103	LLCT	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2	0
8	02KHXH106	LLCT	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0
9	ĐHCQ0122	LLCT	Kinh tế phát triển	2	2	0
9.1.3			Ngoại ngữ (kể cả tiếng Anh chuyên ngành)	14	13	1
10	02TANH101	NN	Tiếng Anh cơ bản 1	4	3.5	0.5

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
11	02TANH102	NN	Tiếng Anh cơ bản 2	4	3.5	0.5
12	ĐHCQ0290	NN	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng 1	3	3	0
13	ĐHCQ0291	NN	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng 2	3	3	0
9.1.4			Toán học - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường	11	10	1
9.1.4.1			PHẦN BẮT BUỘC	9	8	1
14	02TOANI01	Toán	Toán cao cấp 1	3	3	0
15	02TOAN202	Toán	Toán cao cấp 2	3	3	0
16	02TINHOC101	KHMT	Nhập môn tin học	3	2	1
9.1.4.2			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1 trong các học phần sau)	2	2	0
17	02KHXH105	LLCT	Văn hóa kinh doanh	2	2	0
18	02TOAN220	Toán	Xác suất thống kê	2	2	0
9.1.5			Giáo dục thể chất	4	0	4
19	ĐHCQ0072	GDTC	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
20	ĐHCQ0073	GDTC	Giáo dục thể chất 2	2	0	2
21	ĐHCQ0074	GDTC	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
9.1.6		GDQP	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	8.5	93 tiết	72 tiết
22	QPAN2020_1	GDQP	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45 tiết	0 tiết
23	QPAN2020_2	GDQP	Công tác quốc phòng an ninh	2	30 tiết	0 tiết
24	QPAN2020_3	GDQP	Quân sự chung	1.5	14 tiết	16 tiết
25	QPAN2020_4	GDQP	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	4 tiết	56 tiết
9.1.7			Kỹ năng mềm	3	2	1
26	ĐHCQ0123	LLCT	Kỹ năng mềm	3	2	1
9.2			KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	93	70	23
9.2.1			Kiến thức cơ sở ngành	6	6	0
27	02kinhte101	QTKD	Kinh tế vi mô	3	3	0
28	02kinhte102	QTKD	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
9.2.2			Kiến thức chung của ngành	50	43	7
29	02quantri301	QTKD	Quản trị học	2	2	0
30	ĐHCQ0144	QTKD	Marketing căn bản	3	3	0
31	ĐHCQ0038	TCNH	Định giá tài sản	4	3	1
32	02DHketoan482	QTKD	Nguyên lý thống kê	2	2	0
33	02DHQTKD101	QTKD	Thống kê doanh nghiệp	2	2	0
34	ĐHCQ0139	LLCT	Luật kinh tế	2	2	0
35	02ketoan402	KT	Nguyên lý kế toán	3	3	0
36	ĐHCQ0193	TCNH	Tài chính tiền tệ	3	2	1

TT	Mã HP	Bộ môn quản lý	Tên học phần	Tín chỉ		
				Tổng	LT	TH
37	ĐHCQ0121	QTKD	Kinh tế lượng	2	2	0
38	ĐHCQ0200	TCNH	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	3	2	1
39	02DHKETOAN153	TCNH	Quản lý tài chính công	2	2	0
40	ĐHCQ0293	TCNH	Tin học ứng dụng (chuyên ngành tài chính doanh nghiệp)	3	2	1
41	ĐHCQ0192	TCNH	Tài chính quốc tế	3	3	0
42	ĐHCQ0276	TCNH	Thuế	4	3	1
43	ĐHCQ0180	TCNH	Quản trị ngân hàng thương mại	3	2	1
44	ĐHCQ0137	TCNH	Lập và phân tích dự án đầu tư	4	3	1
45	02DHQTKD119	QTKD	Thương mại điện tử	2	2	0
46	02DHQTKD104	KT	Toán kinh tế	3	3	0
9.2.3			Kiến thức chuyên ngành	37	21	16
9.2.3.1			Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp	37	21	16
2.1			PHẦN BẮT BUỘC	33	17	16
47	ĐHCQ0189	TCNH	Tài chính doanh nghiệp 1	3	2	1
48	ĐHCQ0190	TCNH	Tài chính doanh nghiệp 2	4	3	1
49	ĐHCQ0191	TCNH	Tài chính doanh nghiệp 3	3	3	0
50	02DHKETOAN131	TCNH	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4	3	1
51	ĐHCQ0098	KT	Kế toán tài chính 1	3	2	1
52	ĐHCQ0099	KT	Kế toán tài chính 2	3	2	1
53	ĐHCQ0096	KT	Kế toán quản trị	3	2	1
54	ĐHCQ0258	TCNH	Thực tập tốt nghiệp (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	4	0	4
55	ĐHCQ0105	TCNH	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	6	0	6
			Nếu không làm Khóa luận thì học môn thay thế			
56	02DHKETOAN136	TCNH	Thị trường bất động sản	2	2	0
57	02DHKETOAN135	TCNH	Quản lý dự án	2	2	0
58	02DHTCHINH106	TCNH	Bảo hiểm	2	2	0
2.2			PHẦN TỰ CHỌN (chọn 02 học phần)	4	4	0
59	ĐHCQ0184	TCNH	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	2	2	0
60	ĐHCQ0175	QTKD	Quản trị kinh doanh (TCNH)	2	2	0
61	02ketoan360	KT	Kiểm toán căn bản	2	2	0
Tổng tín chỉ toàn khóa (chưa kể GDQP & GDTC)				140	114	26

9.3. Kỳ học theo kế hoạch chuẩn

PHẦN KHỐI KIẾN THỨC HỌC CHUNG NGÀNH		
TT	Học kỳ I	Số tín chỉ
1	Triết học Mác - Lênin	3
2	Tiếng anh cơ bản 1	4 (3.5,0.5)
3	Toán cao cấp 1	3
4	Nhập môn tin học	3 (2,1)
5	Giáo dục quốc phòng	8.5
Cộng khối lượng học kỳ I (không bao gồm GDQP)		13
TT	Học kỳ II	Số tín chỉ
1	Kỹ năng mềm	3 (2,1)
2	Giáo dục thể chất 1	1
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
4	Tiếng anh cơ bản 2	4 (3.5,0.5)
5	Toán cao cấp 2	3
6	Kinh tế vi mô	3
Cộng khối lượng học kỳ II		16
TT	Học kỳ III	Số tín chỉ
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Giáo dục thể chất 2	2
5	Kinh tế vĩ mô	3
6	Tin học ứng dụng	3
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)		2
7	Văn hóa kinh doanh	2
8	Xác suất thống kê	2
Cộng khối lượng học kỳ III		16
TT	Học kỳ IV	Số tín chỉ
1	Kinh tế phát triển	2
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
3	Giáo dục thể chất 3	1
4	Pháp luật đại cương	2
5	Thương mại điện tử	2

6	Quản trị học	2
7	Nguyên lý thống kê	2
Cộng khối lượng học kỳ IV		13
TT	Học kỳ V	Số tín chỉ
1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2
2	Nguyên lý kế toán	3
3	Toán kinh tế	3
4	Kinh tế lượng	2
5	Luật kinh tế	2
6	Thống kê doanh nghiệp	2
Cộng khối lượng học kỳ V		14
TT	Học kỳ VI	Số tín chỉ
1	Tài chính tiền tệ	3 (2,1)
2	Marketing căn bản	3
3	Kế toán Tài chính 1	3 (2,1)
4	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3
5	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	3 (2,1)
Cộng khối lượng học kỳ VI		15
PHẦN KHÓI KIẾN THỨC THEO CHUYÊN NGÀNH		
Chuyên ngành 1: Tài chính doanh nghiệp		
TT	Học kỳ VII	Số tín chỉ
1	Tài chính doanh nghiệp 1	3 (2,1)
2	Thuế	4 (3,1)
3	Tiếng anh chuyên ngành 2	3
PHẦN TỰ CHỌN (chọn 02 học phần)		4
4	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	2
5	Quản trị kinh doanh (TCNH)	2
6	Kiểm toán căn bản	2
Cộng học kỳ VII		14
TT	Học kỳ VIII	Số tín chỉ
1	Tài chính doanh nghiệp 2	4 (3,1)
2	Lập và phân tích dự án đầu tư	4 (3,1)
3	Quản lý tài chính công	2
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3 (2,1)

5	Kế toán Tài chính 2	3 (2,1)
Cộng học kỳ VIII		16
TT	Học kỳ IX	Số tín chỉ
1	Tài chính doanh nghiệp 3	3
2	Định giá tài sản	4 (3,1)
3	Tài chính quốc tế	3
4	Kế toán quản trị	3 (2,1)
Cộng học kỳ IX		13
TT	Học kỳ X	Số tín chỉ
1	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4 (3,1)
2	Thực tập tốt nghiệp (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	4
3	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	6
Nếu không làm Khóa luận thì học 03 học phần thay thế		
4	Thị trường bất động sản	2
5	Quản lý dự án	2
6	Bảo hiểm	2
Cộng khối lượng học kỳ X		14
Tổng số tín chỉ toàn khóa (không bao gồm GDTC và GDQP)		140

9.4. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																	
		Kiến thức						Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm				
		3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.1.4	3.1.5	3.1.6	3.1.7	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.2.4	3.2.5	3.2.6	3.2.7	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4
I. Toán & Khoa học tự nhiên																			
02TOAN101	Toán cao cấp 1		2							2							2	2	3
02TOAN202	Toán cao cấp 2		2							2							2	2	3
02TINHOC101	Nhập môn tin học		1	3						1	2						2	2	1
02TOAN220	Xác suất thống kê		2							2		2	1			2	2	2	
II. Lý luận chính trị, Khoa học xã hội- Nhân văn																			
02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3									2						1		
02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3									1						1		
02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3									1						1		
02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3									1						1		
02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3									1						1		
02LUAT101	Pháp luật đại cương	3									1						2		
02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2									2						2		
02KHXH106	Lịch sử các học thuyết kinh tế	1									1						1		
ĐHCQ0122	Kinh tế phát triển	1									1						1		
III. Ngoại ngữ																			
02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1		2							3							2	2	2
02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2		2							3							2	2	2
IV. Kỹ năng mềm, GDTC, GDQP																			
ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	1									3						2		
ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	3	2							2							3	2	2
ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	3	2							2							3	2	2
ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	3	2							2							3	2	2
QPAN2020_1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	2	2						2							3	2	2
QPAN2020_2	Công tác quốc phòng an ninh	3	2	2						2							3	3	3
QPAN2020_3	Quân sự chung	2	3	2						3							3	3	3
QPAN2020_4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	3	2						3							3	3	3
V. Cơ sở ngành/ nhóm ngành																			
02kinhte101	Kinh tế vi mô		2			1	2										2	2	
02kinhte102	Kinh tế vĩ mô		2		2					2							2	2	
02quantri301	Quản trị học		2	2	2	2	2			2		2	2	2			3	3	2
ĐHCQ0144	Marketing căn bản		2	2	2	2	2			2	2	2	2				3	3	2
ĐHCQ0038	Định giá tài sản		2		2					2							2	2	
02DHketoan482	Nguyên lý thống kê		2		2					2							2	2	
02DHTKDI01	Thống kê doanh nghiệp		2	2	2	2	2	2		2							2	2	2

ĐHCQ0139	Luật kinh tế	1								1					2			
02ketoan402	Nguyên lý kế toán		2	2	2	2			2	2					2	2	2	
ĐHCQ0193	Tài chính tiền tệ			2	2	2			2	2		2	2	2	2	2	2	2
ĐHCQ0121	Kinh tế lượng		2		2	2			2			1		2	2		2	
ĐHCQ0200	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán		2	2	3	3	3	3		2	3	2		2	2	2	2	2
02DHKETOAN153	Quản lý tài chính công		2		2	3	3	3		3					2	2	2	2
ĐHCQ0293	Tin học ứng dụng (chuyên ngành tài chính doanh nghiệp)			3				2		3	2		2	2		2	2	2
ĐHCQ0192	Tài chính quốc tế				2	2	2			2	2		2	2	2	2	2	2
ĐHCQ0276	Thuế				2	2	2			2	2		2	2	2	2	2	2
ĐHCQ0180	Quản trị ngân hàng thương mại		2	2	2			2		2				2	2			
ĐHCQ0137	Lập và phân tích dự án đầu tư		3			3	3			2			2	2	2	2	2	
02DHTKDI19	Thương mại điện tử		2	1			1			2				2		2		2
02DHTKDI104	Toán kinh tế		2		2	2				2						2		2
VI. Chuyên ngành																		
ĐHCQ0189	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	2	3	3	3	3		3	3	2		3	3	2	2	2
ĐHCQ0190	Tài chính doanh nghiệp 2		3	2	3	3	3	3		3	3	2		2	3	2	2	2
ĐHCQ0191	Tài chính doanh nghiệp 3		2	2	3	3	3	3		2	3	2		2	2	2	2	2
02DHKETOAN131	Phân tích tài chính doanh nghiệp		2	2	3	3	3	3		2	3	2		2	2	2	2	2
ĐHCQ0098	Kế toán tài chính 1		2	2	2	3	2	2		2	2	2		1	1	2	1	1
ĐHCQ0099	Kế toán tài chính 2		2	2	2	3	2	2		2	2	2		1	1	2	2	2
ĐHCQ0096	Kế toán quản trị		2	2	3	2	2	3		2	2	2		1	1	2	2	1
ĐHCQ0258	Thực tập tốt nghiệp (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	2	3	2	3	3	3	3	2	3	3	2	2	2	3	2	2	2
ĐHCQ0105	Khóa luận tốt nghiệp (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2
02DHKETOAN136	Thị trường bất động sản		2	2	2	2	2			2	2	2	2		3	3	2	2
02DHKETOAN135	Quản lý dự án		2	2					2							2		2
02DHTCHINH106	Bảo hiểm		2		2					3			3	3		3	3	
ĐHCQ0184	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		2	2	2	2	2	3	3	2	2	2		2	2	2	2	2
ĐHCQ0175	Quản trị kinh doanh (TCNH)		2		1	2	2			2		2	2		2	3	2	2
02ketoan360	Kiểm toán căn bản		2	1	2	2	2		2	2	2	2	1		2	2	2	1
ĐHCQ0290	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 1								3				2		2	2	2	
ĐHCQ0291	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2								3				2		2	2		

Ghi chú:

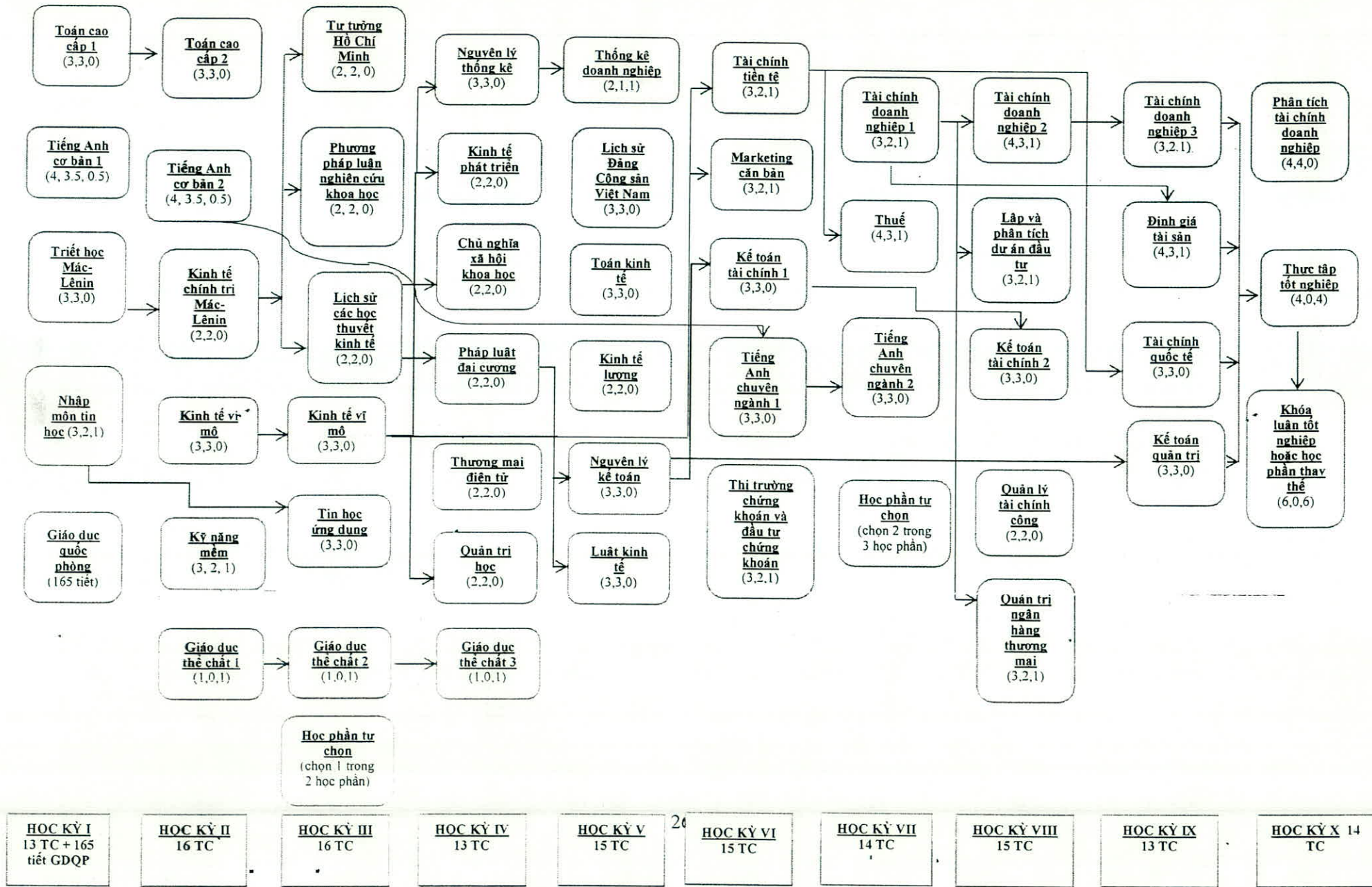
3: đáp ứng cao, 2: đáp ứng trung bình, 1: đáp ứng thấp; -: không đáp ứng

9.5. KẾ HOẠCH THEO TỪNG NĂM HỌC : Đơn vị: Tuần

Năm học	Học		Thi		Nghỉ		Dự trữ	Tổng	Ghi chú
	LT	TH	HK	TN	Hè	Tết			
I	30	0	12	0	5	3	2	52	
II	30	0	12	0	5	3	2	52	
III	30	0	12	0	5	3	2	52	
IV	30	0	12	0	5	3	2	52	
V	23	7	12	0	5	3	2	52	
Cộng	150	7	60	0	25	15	10	260	

9.6. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



triết học Mác – Lênin: sản xuất vật chất; mối quan hệ biện chứng giữa LLSX với QHSX; mối quan hệ biện chứng giữa CSHT với KTTT; Hình thái KT – XH; Vấn đề giai cấp, dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội; mối quan hệ biện chứng giữa TTXH – YTXH; Vấn đề con người

+ Kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các quan điểm, học thuyết triết học để nhận thức và cải tạo trọng hoạt động thực tiễn; Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học khác như: Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... cũng như đường lối lãnh đạo của Đảng.; Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn về thế giới quan và nhân sinh quan.

+ Thái độ: phần hoàn thiện thế giới quan và nhân sinh khoa học; Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- Nội dung học phần: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 8 chương:

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

Chương 2. Vật chất và ý thức

Chương 3. Phép biện chứng duy vật

Chương 4. Lý luận nhận thức

Chương 5. Học thuyết về hình thái Kinh tế - xã hội

Chương 6. Giai cấp và Dân tộc, Nhà nước và Cách mạng xã hội

Chương 7. Ý thức xã hội

Chương 8. Triết học về con người

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin

- Mục tiêu:

+ Kiến thức:

Nắm được khái niệm, phương pháp nghiên cứu, đối tượng và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Hiểu được và phân tích được các lý luận cơ bản về hàng hoá, sản xuất hàng hoá cũng như thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Hiểu được vấn đề cơ bản nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư và tích lũy tư bản cũng như các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Người học hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường .

Người học phân tích được bản chất của kinh tế thị trường định hướng XHCN và quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ những kiến thức cơ bản về kinh tế, hiểu và nắm vững các chủ trương đường lối của Đảng trong công cuộc đổi mới, trong quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

+ *Kỹ năng:*

Hiểu được các vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng XHCN, cách mạng công nghiệp và hội nhập quốc tế

Xác định trách nhiệm công dân của mình trong việc tham gia các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp ra trường.

+ *Thái độ:*

Sự yêu thích, hứng thú với môn học.

Ý thức tích cực, tự giác, thường xuyên tìm hiểu, vận dụng kiến thức đã học vào phân tích vấn đề kinh tế, xã hội có liên quan.

- Nội dung học phần: Căn cứ mục tiêu chương trình đào tạo, học phần chia thành 05 chương:

Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT Mác – Lênin

Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xhcn và hội nhập kinh tế của Việt Nam

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Người học phải học xong các học phần Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác– Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Mục tiêu

+ *Kiến thức*

Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

Hiểu và phân tích được TTHCM về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

Hiểu và phân tích được sự sáng tạo của Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và TTHCM về xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

Phân tích và vận dụng được TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay;

Hiểu, phân tích, vận dụng được TTHCM về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người.

+ *Kỹ năng*

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết trong thực tiễn đời sống, học tập

+ *Thái độ*

Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội;

Nhận thức được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam;

Thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập rèn luyện để góp phần vào xây dựng bảo vệ Tổ quốc

Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu:

Trình bày được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá lãnh đạo của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hiểu được sự hình thành, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng qua các thời kỳ cách mạng

Phân tích sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, và đường lối lãnh đạo của Đảng từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội Chủ nghĩa. Vận dụng kiến thức Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nước, niềm tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng. Tự hào đối với Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Nội dung học phần: Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiến trình học tập, cuộc sống.

5. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi người học học xong các học phần Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác– Lênin

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Người học nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin; Hiểu và phân tích được khái niệm, đặc điểm của giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Hiểu và phân tích được các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Hiểu, phân tích được vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Người học nắm được cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Người học hiểu được phân đề tôn giáo, phân tích được vấn đề tôn giáo trong thời kỳ XHCN và mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

+ *Kỹ năng*: Phân tích được các quan điểm, đặc điểm, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và vận dụng những tri thức trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

+ *Thái độ*: Sự yêu thích, hứng thú với môn học; Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXHKH và nền tảng tư tưởng của Đảng; Có ý thức tự giác, thường xuyên tìm hiểu, vận dụng những kiến thức đã học vào xem xét, giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan.

- Nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học

Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

6. Pháp luật đại cương (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức:*

Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm bắt một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng của nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật lao động.

+ *Kỹ năng:*

Hình thành các kỹ năng tự nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành.

Đề dăng tiếp cận với các môn học khác có liên quan đến pháp luật.

Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn.

+ *Thái độ:*

Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật. Xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của mỗi sinh viên.

Hình thành ý thức và thói quen xử sự phù hợp với quy định của pháp luật. Biết lựa chọn những hành vi đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

- Nội dung học phần: Học phần gồm 8 chương. 3 chương đầu là phần mở đầu giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản nhất, đồng thời nhằm nâng cao ý thức công dân trong việc tuân thủ pháp luật.

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật.

Chương 2: Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật.

Chương 3: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Các ngành luật cụ thể được thể hiện ở 5 chương còn lại, trình bày tương đối chi tiết và có hệ thống về một số ngành luật cơ bản như luật Hiến pháp, luật hành chính, luật lao

động, luật dân sự, luật hình sự. Nội dung của các ngành luật đó được gắn với quyền và nghĩa vụ công dân giúp sinh viên tiếp cận trực tiếp với đời sống thực tiễn của pháp luật.

Chương 4: Luật Hiến pháp Việt Nam.

Chương 5: Luật hành chính Việt Nam.

Chương 6: Luật lao động và bảo hiểm xã hội.

Chương 7: Luật dân sự và luật tố tụng dân sự.

Chương 8: Luật hình sự và luật tố tụng hình sự.

7. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ Kiến thức: Trang bị một số kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; Nắm được cách chọn lựa đề tài nghiên cứu, giới hạn vấn đề - phạm vi nghiên cứu, lập đề cương chi tiết, lên kế hoạch trước khi bắt tay vào triển khai nghiên cứu; các bước thực hiện công trình hay đề tài nghiên cứu khoa học; Nắm được các Phương pháp thu thập và xử lý thông tin phục vụ cho nghiên cứu; Nắm được cách thức viết, trình bày bản báo cáo kết quả nghiên cứu – Đặc biệt là các tiểu luận, đề án, luận văn tốt nghiệp; Nắm được một số nội dung của đạo đức khoa học.

+ Kỹ năng: Kỹ năng vận dụng các kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học vào học tập và thực tiễn; Rèn một số kỹ năng thực hành trong phương pháp nghiên cứu khoa học như: Phương pháp mô tả, kỹ năng điều tra bằng bảng câu hỏi; . Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, đóng góp cho tập thể, thảo luận, thuyết trình vấn đề trong nghiên cứu.

+ Thái độ: Góp phần hoàn thiện thế giới quan khoa học; Hình thành lòng ham hiểu biết về nghiên cứu khoa học; Hình thành thái độ nghiêm túc, tư duy linh hoạt, sáng tạo; Hình thành tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng khoa học nghiên cứu

- Nội dung học phân: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

Chương 1. Khoa học và Nghiên cứu khoa học

Chương 2. Đề tài nghiên cứu khoa học

Chương 3. Tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Chương 4: Các phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Chương 5. Trình bày luận điểm khoa học

Chương 6. Đạo đức khoa học

8. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Nắm được mối quan hệ giữa các học thuyết kinh tế với lịch sử, giai cấp, chính trị; Trình bày được một cách hệ thống các quan điểm kinh tế của các trường phái hoặc của các đại biểu tiêu biểu gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện chúng; So sánh được các học thuyết kinh tế về hoàn cảnh ra đời, tư tưởng, giai cấp; Chứng minh được sự tiến bộ trong nhận thức, tư tưởng của các học thuyết kinh tế trong lịch sử cũng như đánh giá được những hạn chế của các học thuyết đó; Sử dụng các học thuyết kinh tế trong lịch sử làm tiêu chuẩn đánh giá về các học thuyết kinh tế hiện đại; Ứng dụng những kiến thức nền tảng về kinh tế để giải quyết những vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc; Phát huy những tư tưởng tốt đẹp, phù hợp với sự phát triển chung của nhân loại

+ *Kỹ năng*: Người học có thể nhận thức và liên hệ được với thực tiễn nền kinh tế về các vấn đề: đánh giá các quan điểm kinh tế, ưu nhược điểm của các quan điểm đó, áp dụng vào thực tế những nội dung có giá trị và khắc phục hạn chế của các trường phái kinh tế; Hình thành các kỹ năng tư duy, phân tích, xử lý các thông tin kinh tế; Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong làm việc nhóm chuyên môn, thảo luận, thuyết trình vấn đề chuyên môn về kinh tế; Hình thành kỹ năng vận dụng sáng tạo tư duy kinh tế vào việc đưa ra các quyết định.

+ *Thái độ*: Hình thành lòng ham hiểu biết về khoa học kinh tế; thái độ nghiêm túc, tư duy linh hoạt, sáng tạo; tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng khoa học kinh tế.

- Nội dung học phần: Học phần gồm 9 chương bao gồm những nội dung cơ bản của lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên, giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, quá trình phát sinh, phát triển đấu tranh và thay thế lẫn nhau giữa các học thuyết kinh tế, và ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

9. Kinh tế phát triển (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Người học khái quát được những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển; Trình bày và phân biệt được các khái niệm tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế; Mô tả và đánh giá được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phân tích, đánh giá được các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Mô tả được, phân tích được các nguồn lực cơ bản trong quá trình phát triển kinh tế; xác định được các công cụ đo lường và phân tích được các vấn đề về công bằng và nghèo đói; liên hệ được kiến thức về nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ với phát triển kinh tế vào thực tiễn nền kinh tế Việt Nam.

+ *Kỹ năng*: Người học hình thành kỹ năng quan sát, phân tích, trình bày về thực tiễn tăng trưởng và phát triển kinh tế; phát triển được kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề

kinh tế liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế; hoàn thiện kỹ năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến vấn đề tăng trưởng, phát triển kinh tế; Rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu độc lập; kỹ năng tổ chức và phối hợp làm việc nhóm; kỹ năng tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế.

+ *Thái độ*: Khơi dậy sự quan tâm, niềm yêu thích của người học với vấn đề về tăng trưởng và phát triển kinh tế; khơi dậy cho người học trách nhiệm, vun đắp ý chí làm giàu cho bản thân, cho xã hội và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

- Nội dung học phần : Học phần Kinh tế phát triển giới thiệu các kiến thức cơ bản về kinh tế học trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Học phần bao gồm 8 chương, gồm: chương mở đầu giới thiệu khái quát học phần. Từ chương 1 đến chương 7 trình bày các phạm trù cơ bản như tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, các thước đo sự tăng trưởng kinh tế, các mô hình tăng trưởng kinh tế; Các nguồn lực phát triển kinh tế như vốn, tài nguyên, lao động và khoa học công nghệ; Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế như vấn đề nghèo đói, công bằng xã hội; Các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ với phát triển kinh tế.

10. Tiếng Anh cơ bản 1: (4,3.5,0.5)

- Điều kiện tiên quyết : không

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày.

+ Kiến thức:

Phần từ vựng, ngữ pháp: Sinh viên được học các thì tiếng Anh: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; should, must/mustn't, needn't/don't have to; mạo từ; lượng từ; giới từ; các cấu trúc câu: so sánh, there is/are; các liên từ (while, as, when). Sinh viên được học các cụm từ thông dụng trong các bối cảnh khác nhau, các chủ đề quen thuộc: sở thích, miêu tả người, cảm nhận, tả cảnh, thời tiết, phim, chương trình truyền hình...

Phần ngữ âm: Sinh viên được học các nguyên âm, cách phát âm các âm cuối của động từ ngôi thứ 3 số ít, động từ quá khứ theo quy tắc, bất quy tắc, và một số các âm riêng lẻ; Sinh viên làm quen và luyện tập trọng âm từ, trọng âm câu.

Sinh viên được luyện tập kỹ năng đọc hiểu đối với các dạng bài khác nhau với các chủ đề quen thuộc với cuộc sống hàng ngày.

Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nghe hiểu qua các bài hội thoại, phỏng vấn, độc thoại...

Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nói hội thoại, độc thoại, trình bày về bản thân, miêu tả tranh, tả một người quen, cho lời khuyên ...

+ Kỹ năng:

Sinh viên hiểu và làm quen với các thì được học trong tiếng Anh. Sinh viên sử dụng được các từ vựng liên quan đến một số chủ đề nhất định và có thể hiện sự cố gắng khi diễn đạt các chủ đề đã học;

Sinh viên có khả năng đọc hiểu và nắm được ý các bài đọc ngắn liên quan đến các chủ đề quen thuộc, trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được đề cập trong bài đọc.

Sinh viên có thể giới thiệu các thông tin cơ bản về bản thân, trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc đã được học; Sinh viên có chú ý đến cách phát âm các từ đơn lẻ.

Sinh viên có thể hiểu được ý chính trong các hội thoại giao tiếp quen thuộc hằng ngày, xác định được chủ đề của các hội thoại khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

Sinh viên có khả năng viết miêu tả bản thân, viết một bức thư đơn giản mời ai đó tham gia một hoạt động cùng mình, sử dụng các mẫu câu đơn giản, từ ngữ quen thuộc.

- Nội dung học phần:

Sinh viên hiểu được cách sử dụng và phân biệt được các thì cơ bản của động từ tiếng Anh bao gồm thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, biết sử dụng các dạng so sánh của tính từ, biết sử dụng mạo từ, các từ chỉ số lượng. Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ bao gồm các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, v.v để trình bày quan điểm cá nhân, miêu tả người, phong cảnh hay thời tiết, thực hiện các bài hội thoại, viết một đoạn văn ngắn...; có thể dịch được những đoạn văn ngắn sang tiếng Anh hoặc ngược lại.

Các kỹ năng: Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được tích hợp trong các bài giảng theo giáo trình.

Học phần gồm 5 bài, trong đó có một bài giới thiệu mở đầu.

11. Tiếng Anh cơ bản 2: (4,3.5,0.5)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần Tiếng Anh cơ bản 1.

- Mục tiêu của học phần

+ Kiến thức

Phần từ vựng, ngữ pháp: Tiếp tục giới thiệu các thì trong tiếng Anh như hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, so sánh giữa các thì trong tiếng Anh; Giới thiệu và nâng cao các cấu trúc phức trong tiếng Anh, các câu điều kiện loại I, II, câu gián tiếp; câu hỏi gián tiếp...

Phần ngữ âm: Phân biệt cách phát âm các nguyên âm, phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu.

Sinh viên được luyện tập kỹ năng đọc hiểu đối với các dạng bài khác nhau với các chủ đề khác nhau trong bài học.

Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nghe hiểu qua các bài học ở trên lớp với các chủ đề đã được hướng dẫn trong phần ngữ pháp, từ vựng.

Sinh viên được luyện tập các kỹ năng nói trao đổi và tranh luận về các chủ đề quen thuộc với lượng từ vựng đa dạng, phong phú hơn, sử dụng linh hoạt hơn

+ Kỹ năng

Sinh viên hiểu và sử dụng một cách chủ động các thì được học trong tiếng Anh. Sinh viên nắm được các từ vựng liên quan đến một số chủ đề nhất định và có thể hiện sự cố gắng khi diễn đạt các chủ đề đã học; Sinh viên có thể sử dụng các cấu trúc câu được học một cách chủ động, biết cách áp dụng các từ vựng sát với chủ đề.

Sinh viên có khả năng đọc hiểu và nắm được ý các bài đọc liên quan đến các chủ đề quen thuộc, nắm bắt được ý chính, trả lời được các câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được đề cập trong bài đọc.

Sinh viên có thể giới thiệu trôi chảy về bản thân, trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc đã được học; Biết vận dụng các từ nối đã học khi nói. Sinh viên có chú ý đến cách phát âm các từ đơn lẻ và đôi khi có để ý đến trọng âm câu.

Sinh viên có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày, xác định được chủ đề của các hội thoại khi được diễn đạt chậm và rõ ràng, có thể hiểu được ý chính trong các hướng dẫn chỉ đường, thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản.

Sinh viên có khả năng viết miêu tả bản thân, miêu tả bức ảnh mình yêu thích, viết thư cảm ơn (informal), miêu tả nơi mình ở.

- Nội dung học phần:

Học phần gồm 5 đơn vị bài học về các chủ điểm: Nghề nghiệp, du lịch, tiền tệ, tội phạm và khoa học.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên về: các thì của động từ như đã học trong tiếng Anh cơ bản 1, và một số thời khác như: hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp thêm về thể bị động, lời nói gián tiếp, câu điều kiện loại 2 trong tiếng Anh, và các cấu trúc được sử dụng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học.

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

12. Tiếng Anh chuyên ngành 1: (3,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần tiếng Anh cơ bản 1,2; và các học phần cơ sở ngành tài chính – ngân hàng.

Mục tiêu :Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong tài liệu chuyên ngành hiện nay bằng tiếng Anh.

- Kiến thức:

+ Hiểu biết được những kiến thức chuyên môn Tài chính – ngân hàng bằng tiếng Anh.

+ Hiểu biết cơ bản về các từ vựng tiếng Anh hay sử dụng trong Tài chính – Ngân hàng (tùy thuộc vào từng chủ đề).

+ Hiểu biết về cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh hay dùng trong Tài chính – Ngân hàng (tùy thuộc vào từng chủ đề).

- Kỹ năng:

+ Ghi nhớ từ vựng theo từng chủ đề

+ Ghi nhớ cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề.

+ Đọc và dịch các tài liệu chuyên môn Tài chính – Ngân hàng.

+ Trình bày một vấn đề chuyên môn bằng Tiếng Anh

Nội dung học phần: Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết các thuật ngữ và các tình huống trong ngành tài chính ngân hàng.

- Học phần gồm 7 bài. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

+ Ngữ pháp: to be; hiện tại đơn; hiện tại tiếp diễn; quá khứ đơn; từ để hỏi; there is/are; can/can't; so sánh; giới từ....

+ Từ vựng: tài chính – ngân hàng; việc làm trong lĩnh vực ngân hàng; sản phẩm – dịch vụ ngân hàng; giao dịch trong ngân hàng; những từ ngữ chung về tài chính như: chứng khoán, đầu tư; báo cáo tài chính; tiền tệ, ngoại hối....

13. Tiếng Anh chuyên ngành 2: (3,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong học phần tiếng Anh cơ bản 1,2; và các học phần cơ sở ngành tài chính – ngân hàng, TACN tài chính ngân hàng 1.

Mục tiêu của học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về: từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong tài liệu chuyên ngành hiện nay bằng tiếng Anh.

- Kiến thức:

+ Hiểu biết được những kiến thức chuyên môn Tài chính – ngân hàng bằng tiếng Anh.

+ Hiểu biết cơ bản về các từ vựng tiếng Anh hay sử dụng trong Tài chính – Ngân hàng (tùy thuộc vào từng chủ đề).

+ Hiểu biết về cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh hay dùng trong Tài chính – Ngân hàng (tùy thuộc vào từng chủ đề).

- Kỹ năng:

+ Ghi nhớ từ vựng theo từng chủ đề

- + Ghi nhớ cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề.
- + Đọc và dịch các tài liệu chuyên môn Tài chính – Ngân hàng.
- + Trình bày một vấn đề chuyên môn bằng Tiếng Anh

Nội dung học phần: Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết các thuật ngữ và các tình huống trong ngành tài chính ngân hàng.

- Học phần gồm 7 bài. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

+ Ngữ pháp: hiện tại đơn; quá khứ đơn; quá khứ tiếp diễn; tương lai đơn; tương lai gần; mạo từ; can/can't; so sánh; giới từ....

+ Từ vựng: tài chính – ngân hàng; việc làm trong lĩnh vực ngân hàng; sản phẩm – dịch vụ ngân hàng; giao dịch trong ngân hàng; những từ ngữ chung về tài chính như: chứng khoán, đầu tư; báo cáo tài chính; tiền tệ, ngoại hối....

14. Toán cao cấp 1: (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu của học phần:

+ Kiến thức:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức về phép tính giải tích hàm số một biến số và phép tính giải tích hàm số nhiều biến số.

+ Kỹ năng:

Tính được giới hạn của dãy số, áp dụng quy tắc L'Hospital tính được giới hạn của hàm số, giải được bài toán xét sự hội tụ của chuỗi số, tìm tập hội tụ của chuỗi lũy thừa, tính được đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số nhiều biến số, tính được cực trị của hàm số nhiều biến số, giải được bài toán tính tích phân hai lớp, ba lớp, tính tích phân đường.

Nâng cao năng lực tư duy toán học, rèn luyện tính linh hoạt, sáng tạo và khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn.

+ Thái độ:

Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học.

Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

- Nội dung học phần: Học phần gồm các nội dung: phép tính giải tích hàm số một biến số, bao gồm giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân hàm một biến, tích phân xác định, tích phân suy rộng, chuỗi; phép tính giải tích hàm số nhiều biến số: bao gồm đạo hàm riêng, vi phân, tích phân hai lớp, tích phân ba lớp, tích phân đường.

15. Toán cao cấp 2: (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong Toán cao cấp 1

- Mục tiêu của học phần:

+ Kiến thức:

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về: Phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng - vectơ riêng.

+ Kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng giải phương trình vi phân cơ bản, thực hiện các phép toán ma trận, tính được định thức, giải hệ phương trình tuyến tính. Sinh viên giải được bài toán chứng minh không gian véc tơ, tìm tọa độ của vectơ trong cơ sở, chứng minh ánh xạ tuyến tính và các bài toán liên quan, tìm được vectơ riêng, giá trị riêng của ma trận và của ánh xạ tuyến tính; tìm được ma trận làm chéo hoá ma trận đã cho.

Nâng cao năng lực tư duy toán học, rèn luyện tính linh hoạt cho sinh viên, tạo tiền đề cho sự phát triển khả năng sáng tạo.

+ Thái độ

Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học Toán cao cấp 2.

Sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức về : phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, trị riêng và vectơ riêng của ma trận- ánh xạ tuyến tính, chéo hoá ma trận.

16. Nhập môn tin học (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức:

Hiểu được các khái niệm cơ bản trong tin học, các tính năng cơ bản của hệ điều hành Windows; Internet;

Hiểu được các khái niệm cơ bản trong việc trình bày văn bản và các công cụ trong phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản;

Nắm được các khái niệm cơ bản trong việc trình bày bảng tính, quản lý dữ liệu trong bảng tính và áp dụng được các công cụ của Microsoft Excel để tạo lập và truy xuất dữ liệu trên bảng tính.

Nắm được các khái niệm cơ bản trong trình bày báo cáo và áp dụng được các công cụ trong phần mềm Microsoft PowerPoint để trình bày báo cáo.

Học phần hình thành các kỹ năng:

Hình thành kỹ năng sử dụng máy tính: quản lý các tài liệu thông tin lưu trữ trong máy tính;

Vận dụng được một số kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy tính để tra cứu thông tin, truyền thông tin thông qua sử dụng các dịch vụ internet, email;

Thành thạo các kỹ năng cơ bản về tạo lập và trình bày văn bản, bảng tính và báo cáo.

Áp dụng được các công cụ để trình bày văn bản có tính mỹ thuật, trình bày và truy xuất dữ liệu trong bảng tính có hiệu quả, trình bày báo cáo khoa học.

- Nội dung học phần:

Trình bày các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông. Kỹ năng hoạt động với môi trường Window và khai thác sử dụng các dịch vụ trên Internet.

Giới thiệu về các thuật ngữ và khái niệm trong tin học, cách biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử;

Trình bày các khái niệm về soạn thảo văn bản, các tính năng của các công cụ trong phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản.

Giới thiệu bảng tính Excel; trình bày cách sử dụng các hàm tính toán, xử lý cơ sở dữ liệu cơ bản và trình bày bảng tính trong Microsoft Excel.

Các khái niệm về Microsoft PowerPoint, cách sử dụng các công cụ trong phần mềm để thiết kế, tạo lập file trình chiếu.

17. Văn hoá kinh doanh (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức:*

- Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về văn hoá và văn hoá kinh doanh cũng như những vấn đề lý luận cơ bản của các yếu tố cấu thành nên văn hoá kinh doanh.

- Hiểu được biểu hiện của văn hoá kinh doanh tại một chủ thể kinh doanh cụ thể - doanh nghiệp để hình thành nên văn hoá doanh nghiệp. Qua đó, thấy rằng văn hoá kinh doanh là một nhân tố có ảnh hưởng rất quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

- Hiểu được vấn đề cơ bản về Triết lý kinh doanh, vai trò và cách thức xây dựng triết lý kinh doanh trong Doanh nghiệp.

- Người học hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về Đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp: Khái niệm, vai trò, nhân tố cấu thành và những biểu hiện cụ thể.

- Người học phân tích được vai trò của yếu tố văn hoá doanh nhân trong hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Người học hiểu rõ vai trò, yếu tố quan trọng và tác động của Văn hoá doanh nghiệp trong toàn bộ hoạt động của Doanh nghiệp.

- Người học phân tích và hiểu rõ những biểu hiện của văn hoá ứng xử, cách xây dựng văn hoá ứng xử trong Doanh nghiệp.

- Người học liên hệ kiến thức về Văn hoá kinh doanh với thực tiễn vấn đề này trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

+ *Kỹ năng:*

- Vận dụng kiến thức đã học được để phân tích tác động, vai trò của văn hoá kinh doanh trong mọi hoạt động của doanh nghiệp đặc biệt là văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp.

- Rèn luyện được những kỹ năng để tổ chức ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hoá kinh doanh trong quá trình tham gia các hoạt động kinh doanh, góp phần làm cho hoạt động kinh doanh đạt kết quả cao và phát triển bền vững.

+ Thái độ:

- Sinh viên yêu thích, hứng thú học tập môn văn hoá kinh doanh.

- Sinh viên ý thức thật sâu sắc vai trò của văn hoá trong hoạt động kinh doanh để nghiêm túc tạo dựng, phát triển và duy trì các giá trị văn hoá khi tham hoạt động sản xuất kinh doanh trong thực tiễn.

- Nội dung học phần: Căn cứ mục tiêu chương trình đào tạo, học phần chia thành 06 chương:

Chương 1: Tổng quan về văn hoá kinh doanh

Chương 2: Triết lý kinh doanh

Chương 3: Đạo đức kinh doanh

Chương 4: Văn hoá doanh nhân

Chương 5: Văn hoá doanh nghiệp

Chương 6: Văn hoá ứng xử trong các hoạt động kinh doanh

18. Xác suất thống kê (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học xong các học phần Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2.

- Mục tiêu:

+ Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán.

+ Kỹ năng:

Tính được xác suất bằng định nghĩa cổ điển và các định lý cơ bản của xác suất, từ đó áp dụng vào các bài toán thực tế. Biết cách lập bảng phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, tính toán thành thạo các tham số đặc trưng như kỳ vọng, phương sai. Biết cách tìm hàm mật độ, biết cách tính xác suất của biến ngẫu nhiên thông qua hàm mật độ, hàm phân phối, qua đó áp dụng vào các bài toán thực tế cụ thể. Tính toán thành thạo các tham số đặc trưng của mẫu: kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu.

Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng toán học để học tập và nghiên cứu các môn học liên quan, có khả năng vận dụng giải quyết các bài toán trong chuyên ngành và thực tiễn.

+ Thái độ: Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học Toán xác suất thống kê, sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu, hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Nội dung học phần:

+ Lý thuyết xác suất: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất của chúng.

+ Thống kê: Tổng thể nghiên cứu, mẫu ngẫu nhiên, thống kê, các thống kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên.

19. Giáo dục thể chất 1: (1,0,1)

(1 tín chỉ -30 tiết thực hành- Điền kinh)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 1 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC hệ phổ thông trung học và trung học cơ sở.

- **Mục tiêu:** Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển;những kiến thức cơ bản về:nguyên lý và thực hành kỹ thuật, phương pháp tổ chức tập luyện , trọng tài môn điền kinh phát triển các tố chất thể lực trong quá trình học tập rèn luyện và lao động nghề nghiệp sau khi ra trường.

- **Nội dung học phần:** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Điền kinh. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện điền kinh. Các kỹ thuật cơ bản của chạy cự ly 100 mét, 400m và 800m.Phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

Người học nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về phương pháp tập luyện thể dục thể thao, các quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động và sự phát triển các tố chất thể lực, giáo dục đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật để không ngừng phát triển con người cân đối toàn diện, nâng cao hiệu quả học tập và thực hành tay nghề.

- Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao Điền Kinh.

20. Giáo dục thể chất 2: (2,0,2)

(2 tín chỉ - thực hành 60 tiết - Cầu lông)

- **Điều kiện tiên quyết:**Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 2 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC hệ phổ thông trung học và trung học cơ sở, sau khi học xong chương trình Giáo dục thể chất 1.

- **Mục tiêu:** Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển;những kiến thức cơ bản về:nguyên lý và thực hành kỹ thuật, phương pháp tổ chức tập luyện , trọng tài môn cầu lông;phát triển các tố chất thể lực trong quá trình học tập rèn luyện và lao động nghề nghiệp sau khi ra trường.

- **Nội dung học phần :** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, giao cầu, đánh cầu thấp tay phải, trái, cao tay phải trái, đánh cầu cao sâu, đập cầu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

21. Giáo dục thể chất 3: (1,0,1)

(1 tín chỉ - 30 tiết thực hành - Bóng rổ)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên học chương trình môn Giáo dục thể chất 3 dựa trên những kiến thức tích lũy được ở môn GDTC sau khi học xong chương trình Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2.

- **Mục tiêu:** Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức về lý thuyết Bóng rổ và nắm được Luật Bóng rổ cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng rổ để rèn luyện bản thân.

- **Nội dung học phần:** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng rổ. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng rổ. Luật Bóng rổ. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, dẫn bóng, chuyền - bắt bóng, ném rổ 1 tay trên cao. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

22. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3;3;0)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- **Mục tiêu của học phần:**

+ **Kiến thức:** Trang bị một số kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng ta; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, nghệ thuật quân sự Việt Nam; một số quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; về kết hợp phát triển kinh tế- xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh.

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu giáo trình GDQP, AN và thực hành thu thập các thông tin, tài liệu khác trên mạng.

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học, rèn luyện trong Nhà trường và ở môi trường công tác tiếp theo.

* **Nội dung học phần:** Học phần đề cập những nội dung cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

23. Công tác quốc phòng an ninh (2;2;0)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- **Mục tiêu của học phần:**

+ **Kiến thức:** Trang bị một số kiến thức cơ bản về công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh; về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng; những vấn đề cơ bản phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, an toàn thông tin trên mạng; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh ở Việt Nam.

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu giáo trình GDQP, AN và thực hành thu thập các thông tin, tài liệu khác trên mạng.

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học, rèn luyện trong Nhà trường và ở môi trường công tác tiếp theo.

* **Nội dung học phần:** Học phần đề cập những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

24. Quân sự chung (2;14;16)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- **Mục tiêu của học phần:**

+ **Kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần và các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội trong doanh trại; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội, điều lệnh đội ngũ; bản đồ địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và ba môn quân sự phối hợp.

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu kiến thức quân sự chung và biết thực hành điều lệnh đội ngũ, ba môn quân sự phối hợp.

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng nhân cách, nâng cao phẩm chất, năng lực và ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc các quy định trong học tập và rèn luyện.

* **Nội dung học phần:** Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức quân sự chung

25. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (2; 4; 56)

- **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học qua chương trình GDQP-AN bậc THPT.

- **Mục tiêu của học phần:**

+ **Kiến thức:** Trang bị kiến thức và rèn luyện cho sinh viên về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; Từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu tiến phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

+ **Kỹ năng:** Trang bị một số kỹ năng nghiên cứu kiến thức quân sự chung và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu tiến phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

+ **Thái độ:** Bồi dưỡng ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về thao trường và đảm bảo an toàn về người, vũ khí trang bị trong quá trình học tập, rèn luyện.

* **Nội dung học phần:** Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

26. Kỹ năng mềm (3,2,1)

- **Điều kiện tiên quyết:** Không

- **Mục tiêu:**

+ Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thành công trong học tập, cuộc sống cũng như trong công việc. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn hơn về sự cần thiết của các kỹ năng mềm, phương pháp hình thành và rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng quản lý bản thân; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ Biết vận dụng các kiến thức đã học để quản lý hiệu quả bản thân; phương pháp làm việc phối hợp khi tham gia làm việc nhóm; vận dụng được phương pháp thuyết trình vào học tập và công việc; vận dụng được các kỹ năng để giải quyết vấn đề trong thực tế.

+ Có ý thức đúng đắn trong nhìn nhận, đánh giá để thay đổi suy nghĩ, hành vi, thái độ để từ đó có lối sống, học tập tích cực; Có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; Có khả năng thích ứng trong môi trường học tập và làm việc đa văn hóa.

- Nội dung: Học phần gồm 5 chương, chương 1 giới thiệu tổng quát về kỹ năng mềm. 4 chương còn lại cung cấp các kiến thức và hướng dẫn rèn luyện một số kỹ năng cơ bản cho người học, như: kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề. Những kiến thức và kỹ năng rèn luyện được sẽ đặt nền tảng giúp sinh viên có thể học tập hiệu quả hơn trong các học phần sau.

10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

27. Kinh tế vi mô (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Triết học Mác – Lênin

- Mục tiêu: Sau khi học xong học phần sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế học thực chứng, kinh tế học chuẩn tắc cũng như các quy luật kinh tế cơ bản. Nắm được khái niệm cung cầu hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu hàng hóa cũng như mối quan hệ giữa giá và lượng của cung cầu hàng hóa. Ngoài ra sinh viên còn biết lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng, của doanh nghiệp và cấu trúc của thị trường.

- Nội dung học phần:

Chương 1: Nhập môn kinh tế vi mô

Chương 2: Cung cầu và thị trường hàng hóa

Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng

Chương 4: Lý thuyết lựa chọn của doanh nghiệp

Chương 5: Thị trường – cạnh tranh và độc quyền

28. Kinh tế học vĩ mô (3;3;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô

- Mục tiêu : Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, kỹ năng đánh giá và phân tích các hiện tượng và các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với sự vận hành của nền kinh tế và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô, làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên

quan trọng các môn học ứng dụng sau này, và giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

- Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung chủ yếu: Tổng cung, tổng cầu của nền kinh; Các chỉ tiêu hạch toán tổng sản phẩm quốc dân; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Chính sách tài khoá; Mô hình IS-LM; Lạm phát, thất nghiệp; Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

29. Quản trị học (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kỹ năng quản trị

- Mục tiêu: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức như công tác hoạch định, công việc của tổ chức, tiến hành điều khiển và kiểm tra. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cốt lõi: hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức.

- Nội dung học phần: Quản trị học cung cấp cho người học những chức năng và kỹ năng quản trị để thực hiện các hoạt động trong một tổ chức nhằm kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ với nhau trong một tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Thông tin được coi là giữ liệu đầu vào giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định. Chức năng của quản trị học bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra được coi là nguyên lý căn bản được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.

30. Marketing căn bản (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Kinh tế vi mô, vĩ mô

- Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản nhất về khoa học marketing, bản chất các công cụ marketing hỗn hợp. Sau khi học xong học phần sinh viên biết vận dụng những kiến thức đó để hình thành và thông qua các quyết định marketing; liên hệ những vấn đề lý thuyết Marketing với thực tiễn kinh doanh ở Việt Nam.

- Nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về Marketing, bao gồm các khái niệm, các nội dung, quy trình hoạt động marketing trong các tổ chức như: vai trò, chức năng của hoạt động marketing; môi trường marketing và nghiên cứu marketing; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu; triển khai các chiến lược marketing hỗn hợp trong sản phẩm vật chất và dịch vụ (Marketing mix và 4C) ,... Học phần cung cấp kiến thức tiền đề để nghiên cứu chuyên sâu các môn học chuyên ngành kinh tế.

31. Định giá tài sản (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết : Học sau học phần Tài chính doanh nghiệp

- Mục tiêu: Sau khi học xong môn học này sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản liên quan đến nguyên tắc định giá trong nền kinh tế thị trường, biết được các phương pháp định giá bất động sản, máy móc thiết bị, định giá doanh nghiệp. Sinh viên biết cách tổ chức công tác định giá tài sản.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ định giá tài sản bao gồm: Nguyên tắc định giá trong nền kinh tế thị trường; Định giá bất động sản; Định giá máy móc, thiết bị; Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp; Định giá tài sản vô hình; Tổ chức công tác định giá tài sản.

32. Nguyên lý thống kê (2;2;0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Xác suất thống kê.

- Mục tiêu: Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê, các phương pháp chuyên môn của thống kê. Qua đó, nhằm thu thập số liệu, tính toán tổng hợp số liệu, phân tích, đánh giá các số liệu đó trong điều kiện thời gian và không gian nhất định nhằm chỉ ra bản chất, tính quy luật và dự báo các mức độ của các hiện tượng trong tương lai.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thống kê: Nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế xã hội; Các phương pháp điều tra chọn mẫu; Ứng dụng các loại số dùng trong đánh giá thống kê, đánh giá thống kê dãy số thời gian, các phương pháp dự đoán thống kê ngắn hạn thường dùng. Xây dựng chỉ số, hệ thống chỉ số, vận dụng vào phân tích ảnh hưởng sự biến động của các chỉ tiêu.

33. Thống kê doanh nghiệp (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nguyên lý thống kê

- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cần thiết về thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó giúp người học phát triển các kỹ năng cứng và kiến thức chuyên ngành như kỹ năng thu thập tài liệu, tổng hợp, phân tích, tính toán, dự đoán, kỹ năng ra quyết định... đồng thời vận dụng vào thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn có thể ứng dụng để thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thống kê lao động - tiền lương, thống kê tài sản cố định, thống kê giá thành, thống kê hiệu quả kinh doanh,... của doanh nghiệp.

34. Luật kinh tế (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn tất học phần Pháp luật đại cương.

- Mục tiêu:

+ *Kiến thức*: Môn học cung cấp cho sinh viên những quy định cơ bản của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản như những vấn đề khái quát chung nhất về Luật kinh tế; hiểu và phân tích được địa vị pháp lý của các doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận; hiểu và phân tích được các vấn đề về hợp đồng thương mại; nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp cũng như thủ tục giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại; hiểu và phân tích được các dấu hiệu của một doanh nghiệp bị phá sản cũng như thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp bị phá sản.

+ *Kỹ năng*: Vận dụng các quy định của pháp luật vào để giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tế và đánh giá tác động của các quy định pháp luật đó và thực tiễn kinh doanh.

+ *Thái độ*: Sinh viên chủ động, tích cực trong việc học tập môn học để tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- Nội dung học phần: Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh hiện nay như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Học phần gồm 5 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về luật kinh tế.

Chương 2: Pháp luật về doanh nghiệp.

Chương 3: Pháp luật về hợp đồng.

Chương 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại.

Chương 5: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

35. Nguyên lý kế toán (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô

- Mục tiêu: Nguyên lý kế toán trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán. Môn học giúp người học thuộc khối kinh tế đạt hiểu biết chung về hệ thống kế toán, quy trình hoạt động kế toán. Từ đó, người học có thể phối hợp hoạt động trên hệ thống thông tin của doanh nghiệp, đồng thời nhận định tình hình tài chính, kinh doanh của tổ chức thông qua một số tỷ số kế toán cơ bản...

- Nội dung học phần: Học phần đề cập đến các vấn đề: các khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu vào một loại hình đơn vị cụ thể.

36. Tài chính-Tiền tệ (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý đại cương mang tính chất nhập môn trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ ngân hàng. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể nắm vững được các kiến thức cơ sở liên quan đến lĩnh vực tài chính, từ đó tạo điều kiện nghiên cứu các môn học chuyên ngành khác.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ: các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ; các mối quan hệ kinh tế trong phân phối các nguồn tài chính; hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân sách nhà nước, hoạt động của thị trường tài chính; hoạt động tài chính quốc tế; Bản chất, chức năng của tiền tệ, lạm phát; cung và cầu tiền tệ, tín dụng, lãi suất tín dụng. Hoạt động của hệ thống Ngân hàng trong nền kinh tế: Ngân hàng Trung Ương, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

37. Kinh tế lượng (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Thống kê doanh nghiệp.

- Mục tiêu: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong việc sử dụng các mô hình nghiên cứu định lượng để nghiên cứu, phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội. Học xong học phần này, sinh viên có thể nắm vững được các bước trong quy trình thực hiện nghiên cứu sử dụng mô hình định lượng như xây dựng mô hình hồi qui tuyến tính, tìm kiếm số liệu, ước lượng mô hình, kiểm định các khuyết tật của mô hình, kiểm định giả thuyết thống kê, diễn giải kết quả ước lượng, đưa ra dự báo dựa trên kết quả hồi qui, đưa ra các gợi ý chính sách dựa trên kết quả ước lượng. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm thống kê để phân tích mô tả thống kê cũng như ước lượng các mô hình hồi qui.

- Nội dung học phần: Học phần Kinh tế lượng 1 trình bày các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy. Học phần bao gồm các nội dung chính: Các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy, vấn đề ước lượng mô hình, kiểm định và đánh giá mô hình, thực hiện các suy diễn thống kê từ kết quả ước lượng của mô hình.

38. Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tài chính-Tiền tệ

- Mục tiêu: Trình bày được kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán. Trình bày được nội dung liên quan đến lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, các chỉ số giá và nguyên tắc đầu tư.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán: nguyên tắc hoạt động, cơ chế vận hành, chủ thể tham gia, công cụ trên thị trường chứng khoán, các phương pháp định giá chứng khoán, phân chia cổ tức và hoạt động đầu tư chứng khoán trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

39. Quản lý tài chính công (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán, Thuế.

- Mục tiêu: Biết vận dụng kiến thức lý luận và nghiệp vụ vào giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn về vấn đề tài chính công của đất nước. Tự nghiên cứu đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính công, đặc biệt là quản lý NSNN và đề xuất ý tưởng, quan điểm, giải pháp hoàn thiện các quy định đó để phù hợp với thực trạng kinh tế xã hội và yêu cầu đổi mới quản lý tài chính công của đất nước.

- Nội dung học phần:

Môn học Quản lý Tài chính công gồm 2 khối kiến thức cơ bản: Khối kiến thức lý luận chung và khối kiến thức lý nghiệp vụ về quản lý tài chính công.

Khối kiến thức lý luận chung giải quyết các vấn đề lý luận chung về tài chính công và quản lý tài chính công gồm: (i) Quan niệm về tài chính công, phân loại tài chính công ; (ii) Quan niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công, mối quan hệ giữa mục tiêu quản lý tài chính công với tư trụ của quản lý nhà nước tốt; (iii) Bộ máy quản lý tài chính công.

Khối kiến thức nghiệp vụ về quản lý tài chính công giải quyết những vấn đề nghiệp vụ về quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN và đánh giá quản lý tài chính công gồm: (i) nguyên tắc quản lý NSNN, phân cấp quản lý NSNN, qui trình quản lý NSNN, kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm; (ii) Tổ chức cân đối NSNN; (iii) Quản lý các quỹ tài chính công ngoài NSNN; (iv) Đánh giá quản lý tài chính công, đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công, đánh giá quản lý chi tiêu công theo kết quả.

40. Tin học ứng dụng (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Nhập môn tin học

- Mục tiêu : Trang bị cho sinh viên kiến thức máy tính ứng dụng cơ bản để sinh viên có thể vận dụng thực hiện các phần hành kế toán bộ phận trên máy tính và tạo kiến thức nền tảng học các học phần khác trên máy tính.

- Nội dung học phần: Môn học giới thiệu phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft PowerPoint và Microsoft Excel. Sinh viên sẽ được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và biến chúng thành công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các môn học khác cũng như trong việc đi làm sau này. Tính chất ứng dụng sẽ được nhấn mạnh thông qua các ví dụ thực tế.

41. Tài chính quốc tế (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết : Học sau học phần : Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính tiền tệ, Nguyên lý thống kê.

- Mục tiêu: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế: bản chất, các nguyên tắc của tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và tài chính công ty đa

quốc gia, viện trợ, vay và nợ quốc tế, liên minh thuế quốc tế, các tổ chức tài chính quốc tế.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế: bản chất, các nguyên tắc của tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và tài chính công ty đa quốc gia, viện trợ, vay và nợ quốc tế, liên minh thuế quốc tế, tìm hiểu một số tổ chức tài chính quốc tế.

42. Thuế (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Pháp luật Kinh tế, Tài chính tiền tệ.

- Mục tiêu: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong lĩnh vực thuế: bản chất, chức năng của thuế, các yếu tố cấu thành một sắc thuế, chính sách thuế và hệ thống thuế; giới thiệu các sắc thuế cơ bản nhất trong hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân...

- Nội dung học phần: học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thuế, như: bản chất, chức năng của thuế, các yếu tố cấu thành một sắc thuế, chính sách thuế và hệ thống thuế; giới thiệu các sắc thuế cơ bản nhất trong hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... và một số khoản thu khác.

43. Quản trị ngân hàng thương mại (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Kế toán tài chính

- Mục tiêu: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản mở rộng và chuyên sâu về nghiệp vụ ngân hàng thương mại và quản trị ngân hàng thương mại đảm bảo tính khoa học, hiện đại và phù hợp với thực tiễn phát triển của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngân hàng thương mại bao gồm: Tổng quan về ngân hàng thương mại; Nguyên lý quản trị ngân hàng thương mại; Các phép đo lãi suất và ứng dụng trong kinh doanh ngân hàng; Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro lãi suất; Tín dụng ngân hàng; Quản trị thanh khoản ngân hàng; Nghiệp vụ ngoại hối phái sinh; Nghiệp vụ thanh toán quốc tế; Nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng; quản trị vốn chủ sở hữu ngân hàng.

44. Lập và phân tích dự án đầu tư (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tài chính tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp, Toán tài chính

- Mục tiêu : Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về lập, phân tích và thẩm định các dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư với mục tiêu sinh lời. Qua đó, sinh viên có thể thực hành đánh giá các dự án của doanh nghiệp.

- Nội dung học phần: Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phân tích tài chính của dự án đầu tư, tính toán nhu cầu vốn đầu tư, dự toán doanh thu, chi

phí, ước lượng luân lưu của dự án, đánh giá an toàn tài chính dự án, đánh giá lợi ích kinh tế xã hội mà dự án mang lại.

45. Thương mại điện tử (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần Thống kê doanh nghiệp, Quản trị chất lượng, Quản trị nhân lực.

- Mục tiêu: Hiểu được kiến thức cơ bản về thương mại điện tử như các cơ sở phát triển TMĐT, các mô hình TMĐT phổ biến hiện nay, marketing điện tử (một số công cụ marketing điện tử như facebook, email marketing, SEO...), hợp đồng điện tử và hệ thống thanh toán điện tử hiện nay.

- Nội dung học phần:

Chương 1: Tổng quan thương mại điện tử

Chương 2: Thương mại điện tử B2C

Chương 3: Thương mại điện tử B2B

Chương 4: Hợp đồng điện tử

Chương 5: Hệ thống thanh toán điện tử

Chương 6: Hành vi khách hàng và Marketing điện tử

46. Toán kinh tế (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tài chính tiền tệ, Tài chính doanh nghiệp

- Mục tiêu : Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tiền lãi, các khoản vay của ngân hàng, tài khoản vãng lai. Qua đó giúp sinh viên lựa chọn được các giải pháp đầu tư hợp lý trong thực tiễn.

- Nội dung học phần: Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiền lãi, chiết khấu thương phiếu, tài khoản vãng lai, chuỗi tiền tệ, vay vốn thông qua các công cụ toán học.

10.3. Kiến thức chuyên ngành

47. Tài chính doanh nghiệp 1 (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết

Học sau học phần: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán

- Mục tiêu: Trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, về mục tiêu và vai trò của quản trị tài chính trong doanh nghiệp; nhận diện và hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến công tác tài chính trong doanh nghiệp

- Nội dung học phần:

Môn học "*Tài chính doanh nghiệp 1*" là môn học nghiệp vụ về quản lý tài chính doanh nghiệp, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung quản trị tài chính doanh nghiệp và vai trò quan trọng của giám đốc tài chính đối với hoạt động của doanh nghiệp hiện nay. Bên cạnh đó môn học cung cấp các kiến thức chuyên ngành tổng quát như chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn cố định, vốn lưu động, các hoạt

động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn, cách thức quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: chi phí huy động và sử dụng vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu. Trên cơ sở đó nhằm đánh giá hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp và là tiền đề để doanh nghiệp có những tính toán, dự đoán và có những quyết định quản trị tài chính hợp lý.

Nội dung môn học được thiết kế phù hợp và đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ, là cơ sở để thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra - đánh giá. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ quản lý tài chính doanh nghiệp nói riêng và cán bộ quản lý tài chính - kế toán cho nền kinh tế.

48. Tài chính doanh nghiệp 2 (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp 1, Thuế.

- Mục tiêu: Biết vận dụng kiến thức vào xác định dòng tiền của dự án, tính toán được hiệu quả của dự án đầu tư của doanh nghiệp.

- Nội dung học phần: Môn học "*Tài chính doanh nghiệp 2*" là môn học giới thiệu về các công cụ chủ yếu để đưa ra các quyết định tài chính đó là giá trị theo thời gian của tiền, rủi ro và tỷ suất sinh lời đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư, dự án đầu tư, cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư, các nguyên tắc xác định dòng tiền của dự án và các phương pháp chủ yếu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư. Ngoài ra còn nghiên cứu nghiệp vụ định giá chứng khoán để thực hiện hoạt động đầu tư tài chính, chính sách cổ tức của công ty cổ phần. Tóm lại, TCDN 2 sẽ giúp sinh viên hiểu và nắm được nghiệp vụ quản trị chính sách đầu tư vốn của doanh nghiệp.

Nội dung môn học được thiết kế phù hợp và đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ, là cơ sở để thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra - đánh giá. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ quản lý tài chính doanh nghiệp nói riêng và cán bộ quản lý tài chính - kế toán cho nền kinh tế.

49. Tài chính doanh nghiệp 3 (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết :

Học sau học phần Tài chính doanh nghiệp 2

- Mục tiêu: Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên ra trường có thể thực hiện tổ chức quản trị dòng tiền trong hoạt động đảm bảo khả năng thanh toán và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

- Nội dung học phần:

Học phần trang bị kiến thức và công cụ phân tích và định giá để giúp ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp, đồng thời trang bị các kiến thức liên quan đến chính sách cổ tức của công ty, sinh viên sẽ được tiếp cận một cách có hệ thống với lý thuyết M&M về cơ cấu vốn.

50. Phân tích tài chính doanh nghiệp (4,3,1)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần: Quản trị học, Nguyên lý kế toán

- Mục tiêu: Cung cấp phương pháp phân tích và quy trình phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, vận dụng các phương pháp thích hợp để tiến hành phân tích, đánh giá được tình hình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp như tình hình thực hiện

kế hoạch về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào như lao động, vật tư, TSCĐ, giá thành, tiêu thụ và tài chính...

- Nội dung học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp trang bị những kiến thức cơ bản, các kỹ năng cần thiết để phân tích, đánh giá, thu thập những thông tin về hoạt động tài chính của các doanh nghiệp hàm chứa trong các báo cáo tài chính, phục vụ cho việc xử lý và ra các quyết định tài chính của các nhà quản trị doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đến thông tin kinh tế tài chính của DN.

51. Kế toán tài chính 1 (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết : Học sau học phần Nguyên lý kế toán.

- Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán kế toán cho các doanh nghiệp từ đó vận dụng từng phần hành kế toán vào các doanh nghiệp cụ thể

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp với các nội dung: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; kế toán các loại vật tư và kế toán tiền lương.

52. Kế toán tài chính doanh nghiệp 2 (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết : Học sau học phần Nguyên lý kế toán, Kế toán TCDN 1

- Mục tiêu:

+ Thực hiện tốt quy trình tổ chức công tác kế toán trong đơn vị bao gồm: Vận dụng hình thức sổ sách kế toán, hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán đúng pháp luật và cung cấp thông tin qua hệ thống báo cáo kế toán đồng thời thực hiện quản lý lưu trữ tài liệu đúng chế độ.

+ Thực hiện được công việc kế toán: từ lập chứng từ kế toán đúng nội dung kinh tế; ghi chép và tổng hợp các số liệu cần thiết để ghi sổ kế toán đến lập các báo tài chính và báo cáo thuế, đánh giá được thực trạng tài chính qua số liệu hạch toán từng kỳ.

- Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán tài chính doanh nghiệp với các nội dung: Kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán các khoản nợ phải trả, Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu,.

53. Kế toán quản trị (3,2,1)

- Điều kiện tiên quyết : Học sau học phần Nguyên lý kế toán

- Mục tiêu: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh.

- Nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh.

54. Thực tập tốt nghiệp(4;0;4)

- Điều kiện tiên quyết : Sau khi sinh viên đã học xong lý thuyết, được thực hành các học phần tại Trường

- Mục tiêu: Giúp sinh viên tiếp cận thực tế các lĩnh vực đã được học, cụ thể là các lĩnh vực tài chính ngân hàng và chứng khoán, qua đó nắm được quy trình công việc, kỹ năng làm việc cũng như bổ sung kiến thức chuyên môn trong thực tế cho những gì đã học ở trường

- Nội dung học phần:

+ Củng cố kiến thức chuyên môn trên cơ sở liên hệ với thực tế tại doanh nghiệp
+ Rèn luyện kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ của chuyên ngành kế toán doanh nghiệp.

+ Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc theo nhóm, tác phong công nghiệp

+ Rèn luyện tác phong và đạo đức nghề nghiệp (trung thực, chính xác, chu đáo,...)

+ Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập theo đúng nội dung đã được giao.

55. Khóa luận tốt nghiệp (6; 0; 6)

- Điều kiện tiên quyết : Sau khi sinh viên đã học hoàn thành các học phần theo chương trình đào tạo đại học tài chính doanh nghiệp.

- Mục tiêu: Sinh viên trình bày được căn cứ, nội dung và phương pháp nghiên cứu khóa luận; giải quyết được các vấn đề liên quan đến khóa luận

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về ngành tài chính doanh nghiệp. Giúp sinh viên có điều kiện thực hành thực tế và áp dụng những kiến thức chuyên ngành đã được học vào công việc chuyên môn sau khi ra trường.

56. Thị trường bất động sản (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần: Định giá tài sản

- Mục tiêu: Cung cấp cho người đọc những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản, đặc điểm của thị trường bất động sản, các chủ thể và hàng hóa trên thị trường bất động sản. Phân tích cung, cầu trên thị trường bất động sản và mối quan hệ cung cầu trên thị trường bất động sản, từ đó đánh giá và phân tích rõ diễn biến của thị trường bất động sản, những nhân tố tác động làm thay đổi cung cầu trên thị trường BĐS... Qua đó tìm kiếm các giải pháp hợp lý nhằm phát triển bền vững mảng thị trường này.

- Nội dung học phần:

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về thị trường bất động sản, các nguồn tài trợ bất động sản; quan hệ cung cầu và giá cả bất động sản; các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu trên thị trường bất động sản; Các phương pháp định giá bất động sản từ đó đưa ra các quyết định đầu tư bất động sản; Đánh giá kết quả và thực hiện điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản và sự quản lý nhà nước với thị trường bất động sản.

57. Quản lý dự án (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết : Học sau học phần Quản trị học

- Mục tiêu: Sau khi học xong môn học này sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về dự án, quản lý dự án và các mô hình tổ chức dự án, có khả năng giám sát và đánh giá một dự án

- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về nội dung, ý nghĩa, đặc điểm của việc quản lý dự án; Phân biệt và vận dụng các mô hình quản lý khác nhau trong quản lý dự án; sử dụng thành thạo một số phương pháp quản lý thời gian và tiến độ thực hiện dự án; các kỹ thuật nhằm phân phối hợp lý nguồn lực đặc biệt trong điều kiện nguồn lực có hạn.

58. Bảo hiểm (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tài chính doanh nghiệp
- Mục tiêu : Học phần giúp sinh viên bước đầu phát triển kỹ năng lập luận và phân tích các nội dung về bảo hiểm thông qua các tình huống trong thực tế của nền kinh tế.
- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản của bảo hiểm và một số loại bảo hiểm thường gặp như bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro, bảo hiểm xã hội.

59. Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (2,2,0)

- Điều kiện tiên quyết: không
- Mục tiêu: Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính công ty đa quốc gia. Nắm vững các nghiệp vụ chủ yếu của hoạt động quản trị tài chính công ty đa quốc gia ở từng chủ thể và trong quản lý vĩ mô. Có thể xử lý các vấn đề nảy sinh có liên quan tới hoạt động quản trị tài chính công ty đa quốc gia tại các doanh nghiệp mnc và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sau khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nội dung học phần: Nội dung học phần quản trị tài chính công ty đa quốc gia bao gồm phần giới thiệu khái quát về quản trị tài chính công ty đa quốc gia sau đó đi sâu trình bày các nghiệp vụ về quản trị huy động vốn, quản trị phân bổ sử dụng vốn và quản trị phân phối kết quả quản trị tài chính công ty đa quốc gia, quản trị rủi ro trong kinh doanh MNC.

60. Quản trị kinh doanh (3,3,0)

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô.
- Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về: doanh nghiệp, kinh doanh, lãnh đạo, quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản trị hoạt động thương mại, quản trị lao động và tiền lương, đánh giá chính sách bán chịu của doanh nghiệp.
- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học cơ sở lý luận về quản trị kinh doanh như doanh nghiệp, quản trị kinh doanh, lãnh đạo... đi sâu tìm hiểu một số kỹ năng quản trị cụ thể như quản trị hoạt động thương mại, quản trị lao động và tiền lương, quản trị chính sách bán chịu của doanh nghiệp

61. Kiểm toán căn bản (2;2;0)

- Điều kiện tiên quyết : Học sau học phần Kế toán doanh nghiệp, Kế toán quản trị

- Mục tiêu: Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kiểm toán để nắm được các nội dung về phương pháp, trình tự, thủ tục của công tác kiểm toán, đặc biệt là kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế và Việt Nam.

- Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán: khái niệm, hình thức kiểm toán; các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán; quy trình một cuộc kiểm toán; các loại ý kiến kiểm toán.

XI. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
1	Vũ Ngọc Hà	Thạc sỹ	Triết học	Triết học Mác-Lênin
2	Nguyễn Thị Hải Ninh, Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Vũ Ngọc Hà, Nguyễn Thị Hải Ninh, Trần Thị Hoàn, Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị, Chính trị, Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Nguyễn Thị Nhung	Tiến sỹ	LSĐCSVN	Lịch sử Đảng CSVN
5	Trần Thị Hoàn	Thạc sỹ	Chính Trị	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Lê Thị Hằng	Thạc sỹ	Luật	Pháp luật đại cương, Pháp luật kinh tế
7	Nguyễn Thị Hải Ninh, Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Lịch sử các học thuyết kinh tế, Kinh tế phát triển
8	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Văn hóa kinh doanh
9	Cao Hải An	Thạc sỹ	Tâm lý	Kỹ năng mềm
10	Bùi Thị Luyến, Phạm Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hương	Thạc sỹ	Sư phạm TĐTT	Giáo dục thể chất 1, 2, 3
11	Trương Công Tuấn, Dương Khắc Mạnh	Đại học	Sư phạm TĐTT	Giáo dục quốc phòng
12	Nguyễn Thị Phương, Phạm Thúy Hằng, Đặng Đình Đức	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Nhập môn tin học, Năng lực số ứng dụng
13	Bùi Thị Huyền, Vũ Thị Thái, Đông Thị An Sinh, Mai Thị Huyền, Vũ Thị Thanh Huyền, Ngô Hải Yến	Thạc sỹ	Tiếng anh	Tiếng anh cơ bản 1
14	Bùi Thị Huyền, Vũ Thị Thái, Đông Thị An Sinh, Mai Thị Huyền,	Thạc sỹ	Tiếng anh	Tiếng anh cơ bản 2

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
	Vũ Thị Thanh Huyền, Ngô Hải Yên			
15	Bùi Thị Huyền, Đông Thị An Sinh, Mai Thị Huyền	Thạc sỹ	Tiếng anh	Tiếng anh chuyên ngành
16	Nguyễn Thanh Huyền	Thạc sỹ	Đại số	Xác suất thống kê
17	Phạm Ngọc Hải, Nguyễn Thị Thu Hương, Bùi Thị Hồng Vân	Thạc sỹ	Đại số	Toán cao cấp 1, 2
18	Trần Thị Thu Lan	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Kinh tế vi mô, Thương mại điện tử, Kinh tế lượng, Quản trị học, Quản trị kinh doanh
19	Trần Thị Thanh Hương	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Marketing căn bản, Thống kê doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh
20	Đặng Thị Thu Giang	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế vi mô, Quản trị học, Quản trị kinh doanh, Marketing căn bản, Nguyên lý thống kê
21	Ngô Thị Lan Hương	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Marketing căn bản, Quản trị ngân hàng thương mại, Kinh tế lượng, Thương mại điện tử
22	Nguyễn Thị Thủy	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Định giá tài sản trong doanh nghiệp, Bảo hiểm, Quản trị ngân hàng thương mại
23	Nguyễn Phương Thúy	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Nguyên lý kế toán, Phân tích tài chính doanh nghiệp, Quản lý dự án, Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán
24	Lê Xuân Hương	Thạc sỹ	Tài chính quốc tế	Thuế, Tài chính tiền tệ, Hải quan, Tài chính quốc tế, Tin học ứng dụng, Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận
25	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng	Toán tài chính, Lập và phân tích dự án đầu tư, Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán, Tin học ứng dụng
26	Nguyễn Thị Thương Huyền	Thạc sỹ	Tài chính ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1,2,3, Tài chính tiền tệ, Quản lý tài chính công, Tiếng anh chuyên ngành 1,2
27	Lãnh Thị Hòa	Tiến sỹ	Quản lý tài chính	Thuế, Tài chính doanh nghiệp 1,2,3, Quản lý tài chính công

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy
				ty đa quốc gia, Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận
28	Nguyễn Thị Thơm	Thạc sỹ	Kế toán	Kế toán tài chính 1,2, Nguyên lý kế toán, Thị trường bất động sản
29	Hoàng Thị Thúy	Thạc sỹ	Kế toán	Toán kinh tế, Kế toán quản trị, Quản lý dự án
30	Nguyễn Thanh Hằng	Thạc sỹ	Kế toán	Kiểm toán căn bản, Kế toán máy
31	Bùi Thị Thúy Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Nguyên lý thống kê, Thống kê doanh nghiệp, Quản trị học, Thương mại điện tử
32	Trần Hoàng Tùng	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế vi mô, Quản trị kinh doanh

XII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

12.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Các phòng học chuyên dùng được trang bị đủ thiết bị và số lượng đáp ứng cho 30 đến 60 sinh viên thực hành trong một đợt theo các bài thực hành được quy định trong chương trình đào tạo.

TT	Tên Phòng thí nghiệm, thực hành	Địa điểm	Ghi chú
1	Phòng học ngoại ngữ	Giảng đường D2	Đủ thiết bị
2	Phòng thực hành tin học, kế toán máy	khu nhà H	Đủ thiết bị
3	Khu thực nghiệm sản xuất	Ngoài trường	

12.2. Thư viện

Thư viện 3 tầng với tổng diện tích 2300m² với trên 5000 đầu sách giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo cho các ngành nói chung. Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp nói riêng với nhiều đầu sách giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo phục vụ cho đào tạo Đại học Tài chính doanh nghiệp.

Trường đã liên kết nhiều năm với Trường Đại học Mở - Địa chất, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, và một số trường khác phối hợp biên soạn bổ sung bài giảng, giáo trình, các tài liệu tham khảo một số học phần chuyên ngành đào tạo bậc Đại học.

- Phương tiện nối mạng: Nối mạng Lan; Internet băng thông 4Mbps

13.3. Giáo trình, bài giảng:

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Đề cương bài giảng kinh tế lượng	Phạm Thị Thắng	Tài chính	2004
2	101 bài tập kinh tế vi mô chọn lọc	Vũ Kim Dũng	VHTT	2006
3	117 sơ đồ kế toán áp dụng cho sự nghiệp có thu	Hà Thi Ngọc Hà	Tài chính	2004
4	200 câu hỏi và giải đáp về HĐLĐ	Bộ LĐTB&XH	LĐXH	1996
5	26 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính doanh nghiệp	Võ Văn Nhị	LĐXH	2006
6	BG hoạch định chiến lược KD & KH hoá DNCN	Nguyễn Đình Tân	Hà Nội	2000
7	BG kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	Thống kê	2003
8	BG maketing	Ngô Thế Bình	Hà Nội	2000
9	BG phân tích hoạt động SXKD của DNCN	Đặng Huy Thái	Hà Nội	2002
10	BG tài chính tín dụng và thuế	Đỗ Hữu Tùng	Hà Nội	2002
11	BT kinh tế vi mô	Phạm Văn Minh	LĐXH	2005
12	BT kế toán quản trị ngân hàng thương mại	Hà Minh Sơn	Tài chính	2008
13	BT lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	Chu Văn Tuấn	Tài chính	2008
14	BT nguyên lý kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	Lao động	2008
15	BT quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trần Văn Hùng	LĐXH	2005
16	BT thống kê doanh nghiệp	Chu Văn Tuấn	Tài chính	2003
17	Câu hỏi và bài tập môn thuế	Lê Xuân Trường	Tài chính	2007
18	Câu hỏi và bài tập nghiệp vụ ngân hàng TM	Nguyễn Thị Mùi	Tài chính	2003
19	Câu hỏi và bài tập thị trường CK	Hoàng Văn Quỳnh	Tài chính	2008
20	Cẩm nang người tư vấn kinh doanh chứng khoán	Lê Văn Thủy	Tài chính	2008
21	Chế độ kế toán DN vừa và nhỏ theo chuẩn mực..	Bộ tài chính	Tài chính	2006
22	Chính sách tài khoá công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế	Nguyễn Văn Dân	Tài chính	2008
23	GT các phương pháp lượng trong quản lý kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn	Giáo dục	2000
24	GT chiến lược KD của doanh nghiệp TM	Nguyễn Thừa Lộc	LĐXH	2005
25	GT hạch toán kế toán	Đỗ Văn Tá	ĐHCNQN	2010

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
26	GT kinh doanh quốc tế	Nguyễn Thị Hương	LĐXH	2003
27	GT kinh tế đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	Thống kê	2004
28	GT kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Thị Thanh Hương	ĐHCNQN	2010
29	GT kinh tế môi trường	Bùi Đức Quyết	Tài chính	2009
30	GT kinh tế phát triển	Vũ Thị Ngọc Phùng	LĐXH	2005
31	GT kinh tế phát triển	Nguyễn Đình Hợi	Tài chính	2008
32	GT kinh tế phát triển	Phạm Ngọc Linh	ĐHKQTĐ	2008
33	GT kinh tế quốc tế	Vũ T. Bạch Tuyết	Tài chính	2008
34	GT kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình	ĐHKQTĐ	2008
35	GT kinh tế công nghiệp mở	Đỗ Thảo Dịu	ĐHCNQN	2010
36	GT kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Ngô Xuân Bình	Giáo dục	2006
37	GT kiểm toán	Vương Đình Huệ	Tài chính	2004
38	GT kiểm toán báo cáo tài chính	Đậu Ngọc Châu	Tài chính	2008
39	GT kế hoạch hoá phát triển kinh tế xã hội	Kinh tế quốc dân	Thống kê	2002
40	GT kế hoạch kinh doanh	Bùi Đức Tuấn	LĐXH	2005
41	GT kế toán ngân hàng thương mại	Nguyễn Văn Lộc	Tài chính	2007
42	GT kế toán quản trị doanh nghiệp	Đoàn Xuân Tiên	Tài chính	2009
43	GT kế toán quốc tế	Nguyễn Minh Phương	ĐHKQTĐ	2009
44	GT kế toán tài chính	Ngô Thế Chi	Tài chính	2008
45	GT kế toán tài chính trong các doanh nghiệp	Đặng Thị Loan	Thống kê	2005
46	GT lịch sử các học thuyết kinh tế	Hà Quý Tình	Tài chính	2008
47	GT lịch sử kinh tế	Nguyễn Trí Dĩnh	ĐHKQTĐ	2009
48	GT lịch sử kinh tế các nước và VN	Nguyễn Văn Thuận	Tài chính	2001
49	GT luật hình sự VN	Nguyễn Ngọc Hoà	CAND	2001
50	GT lý thuyết hạch toán kế toán	Nguyễn Hữu Ba	Tài chính	2004
51	GT lý thuyết kiểm toán	Nguyễn Việt Lợi	Tài chính	2007
52	GT lý thuyết tiền tệ	Vũ Văn Hoá	Tài chính	2008
53	GT lý thuyết tiền tệ tín dụng	Phan Thị Thanh Hà	Hà Nội	2005
54	GT lý thuyết thống kê	Nguyễn Hoàng Anh	Hà Nội	2005

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
55	GT Mô hình toán kinh tế	Nguyễn Quang Dong	ĐHKQTĐ	2008
56	GT Marketing căn bản	Trần Minh Đạm	Giáo dục	2002
57	GT Marketing căn bản	Ngô Minh Cách	Tài chính	2008
58	GT Marketing quốc tế	Nguyễn Văn Minh	Hà Nội	2005
59	GT Marketing thương mại	Ng. Mạnh Dũng	Hà Nội	2005
60	GT ngân hàng và phát triển	Phan Thị Thu Hà	LĐXH	2005
61	GT nghiên cứu Marketing	Nguyễn Việt Lâm	Thống kê	2004
62	GT nghiệp vụ kinh doanh thương mại dịch vụ	Nguyễn Thị Lược	Hà Nội	2005
63	GT nguyên tắc chuẩn mực quốc tế về kế toán	Nguyễn Đình Đỗ	Tài chính	2009
64	GT Nguyên lý kế toán	Trần Quý Liên	Tài chính	2008
65	GT Nguyên lý Marketing	Nguyễn Bích	Hà Nội	2004
66	GT pháp luật kinh tế	Trương Hồng Hải	Tài chính	2004
67	GT pháp luật kinh tế	Lê Thị Thanh	Tài chính	2008
68	GT pháp luật kinh tế	Ngô Tăng Phước	Thống kê	2008
69	GT phân tích hoạt động ktế doanh nghiệp thương mại-DV	Nguyễn Thị Lợi	Hà Nội	2005
70	GT phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp	Nguyễn Thế Khải	Tài chính	2003
71	GT phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Thế Chi	Tài chính	2008
72	GT q.trị dự án và DN có vốn đ.tư nước ngoài	Nguyễn Thị Hường	Thống kê	2004
73	GT quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương	LĐXH	2005
74	GT quản lý kinh tế	Học viện CT HCM	Lý luận Ctrị	2005
75	GT quản lý kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn	KHKT	2000
76	GT quản lý tài chính nhà nước	Hồ Xuân Phương	Tài chính	2004
77	GT quản trị doanh nghiệp thương mại	Hoàng Minh Đường	Giáo dục	2000
78	GT quản trị kinh doanh	Nguyễn Minh Thức	Tài chính	2007
79	GT quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trần Đức Lộc	Tài chính	2008
80	GT Quan hệ kinh doanh quốc tế	Nguyễn Đình Quang	Hà Nội	2004
81	GT Quản trị học	Nguyễn Thị Mơ	ĐHCNQ	2014
82	GT Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Mơ	ĐHCNQ	2011
83	GT tâm lý học quản lý kinh tế	Trần Thị Thuý Sứ	KHKT	2000
84	GT tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	Tài chính	2008

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
85	GT tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Đình Kiệm	Tài chính	2007
86	GT Tiếng anh kinh tế	Bùi Thị Huyền	ĐHCNQN	2011
87	GT tin học ứng dụng trong kinh tế	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ĐHMĐC	2008
88	GT thống kê doanh nghiệp	Hồ Sỹ Chi	Tài chính	2008
89	GT thống kê kinh doanh	Phạm Ngọc Kiềm	ĐHKTQD	2007
90	GT thống kê tài chính	Ng Huy Thịnh	Tài chính	2002
91	GT Thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền	Tài chính	2008
92	GT thuế	Nguyễn Thị Liên	Tài chính	2008
93	GT Văn hoá kinh doanh	Dương Thị Liễu	ĐHKTQD	2011
94	Hỏi đáp về luật kinh tế	Nguyễn Đăng Dung	Thống kê	2001
95	Hướng dẫn tham gia TTCK	Trần Minh Kiệt	Tài chính	2008
96	HD thực hành kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	Thống kê	2003
97	Hệ thống BT, Câu hỏi hướng dẫn ôn tập môn học thuế NN	Nguyễn Thị Liên	Tài chính	2004
98	Hệ thống câu hỏi và bài tập tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	Tài chính	2008
99	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	Võ Văn Nhị	Thống kê	2004
100	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2005
101	Kinh tế học vĩ mô	Vũ Đình Bách	Giáo dục	2007
102	Kinh tế môi trường	Bùi Đức Quyết	Tài chính	2008
103	Kinh tế phát triển	Phan Thúc Quân	Thống kê	2007
104	Kinh tế vi mô trắc nghiệm	Vũ Kim Dũng	LĐXH	2005
105	Kiểm toán báo cáo tài chính	ĐH Tài chính	Tài chính	2001
106	Kiểm toán lý thuyết và thực hành	ĐHKTQD	Tài chính	2008
107	Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành	Chính phủ	CTQG	2001
108	Kế toán DN: Lý thuyết bài tập	Nguyễn Văn Công	Tài chính	2002
109	Kế toán HCSN áp dụng trong các đơn vị sự nghiệp	Ngô Thế Chi	Thống kê	2003
110	Kế toán tài chính- lý thuyết bài tập có lời giải	Nguyễn Phú Giang	Tài chính	2005
111	Luật kinh tế	Trần Văn Long	Hà Nội	2000
112	Luật kinh tế và thương mại	Trịnh Thị Sâm	Thống kê	2004
113	Luật kinh tế VN	Lê Minh Toàn	CTQG	2002
114	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Đình Văn Sơn	Thống kê	2004

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
115	Lý thuyết tài chính và tiền tệ quốc tế	Nguyễn Văn Thanh	ĐHQG	2000
116	Một số phương pháp tối ưu hoá trong kinh tế	Tô Cẩm Tú	KHKT	2000
117	Một số vấn đề cơ bản về chứng khoán và TTCK	Huỳnh Năm	Đà Nẵng	2005
118	Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm Ktoán Tchénh DN	Trần Quý Liên	Tài chính	2005
119	Nguyên lý chung định giá tài sản và giá trị DN	Nguyễn Minh Hoàng	Lao động	2008
120	Nguyên lý kế toán	Trần Quý Liên	Tài chính	2008
121	Quản trị doanh nghiệp hiện đại	Ban Khoa học	Tài chính	2006
122	Quản trị dự án đầu tư và quản trị TCDN có vốn đầu tư nước ngoài	Đinh Trọng Thịnh	Tài chính	2006
123	Quản trị Marketing	Ngô Minh Cách	Tài chính	2009
124	Quản trị ngân hàng thương mại	Nguyễn Thị Mùi	Tài chính	2008
125	Quản trị tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Thanh	Thống kê	2004
126	Tìm hiểu môn kinh tế chính trị	Vũ Văn Phúc	Hà Nội	2006
127	Tìm hiểu môn lịch sử đảng	Bùi Kim Đình	Hà Nội	2006
128	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Nguyễn Đức Lợi	Tài chính	2009
129	Tài chính doanh nghiệp lý thuyết bài tập và bài giải	Nguyễn Minh Kiều	Thống kê	2006
130	Tài chính quốc tế	Đinh Trọng Thịnh	Lao động	2006
131	Tập bài giảng nguyên lý kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	Thống kê	2005
132	Tiền tệ và ngân hàng	Nguyễn Thị Phương Liên	Thống kê	2003
133	Toán kinh tế	Nhâm Văn Toán	ĐHMĐC	2005
134	Thực hành kiểm toán	Lưu Đức Tuyên	Tài chính	2008
135	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	Trương Thị Thủy	Tài chính	2007
136	Văn hoá doanh nghiệp	Đỗ Thị Hoài Phi	Tài chính	2009
137	GT Kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình	ĐHKQTĐ	2019
138	GT Thương mại quốc tế	Hoàng Đức Thân	ĐHKQTĐ	2018
139	GT Thương mại quốc tế	Nguyễn Xuân Thiêm	ĐHQGHN	2015
140	GT Kinh doanh quốc tế	Phạm T Hồng Yến	Thống kê	2012
141	Luật chứng khoán năm 2006	Quốc hội	Tài chính	2006
142	BT xác suất thống kê	Đinh Văn Gắng	Giáo dục	2005
143	GT Địa lý kinh tế Việt Nam	Đỗ Thị Vang	Hà Nội	2005

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
144	GT Kế toán ngân hàng thương mại	Nguyễn Văn Lộc	Tài chính	2012
145	GT Kinh tế học đại cương	Trần Thị Lan Hương	Giáo dục	2015
146	GT Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Thị Mơ	ĐHCNQN	2013
147	GT Kỹ năng quản trị	Ngô Kim Thanh	ĐHKQTĐ	2005
148	GT Lý thuyết tiền tệ tín dụng	Phan T Thanh Hà	Hà Nội	2008
149	GT Lý thuyết thống kê	Trần Ngọc Phác	Thống kê	2011
150	GT Lý thuyết hạch toán kế toán	Phạm Thành Long	Giáo dục	2010
151	Định mức lao động	Ngô Thế Bình	Hà Nội	2000
152	101 BT Kinh tế vi mô	Vũ Kim Dung	Thế Giới	2005
153	126 sơ đồ kế toán áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu	Hà Thị Ngọc Hà	Tài chính	2005
154	BG Hạch toán kế toán trong DN mở	Nguyễn Văn Bưởi	Hà Nội	2000
155	BG Kinh tế xí nghiệp tuyển khoáng	Ngô Thế Bình	Hà Nội	2003
156	BT Lý thuyết xác suất	Vũ Việt Yên	ĐHSP	2005
157	GT các phương pháp lượng trong quản lý kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn	Giáo dục	2000
158	GT kiểm toán	Trần Long	Hà Nội	2012
159	GT Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thành Độ	LĐXH	2004
160	GT Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trương Đoàn Thế	LĐXH	2004
161	GT Thuế và hệ thống thuế ở VN	Nguyễn Thị Bình	Hà Nội	2005
162	Kiểm toán- Lý thuyết và thực hành	Phan Trung Kiên	Tài chính	2008
163	Kinh tế học vi mô	Cao Thúy Xiêm	ĐHKQTĐ	2008
164	Lý thuyết tiền tệ	Vũ Văn Hoá	Tài chính	2007
165	Luật kinh tế	Nguyễn Hữu Viện	Hà Nội	2001
166	GT Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	ĐHKQTĐ	2005
167	Quản trị ngân hàng thương mại	Nguyễn Thị Mùi	Tài chính	2008
168	Quản trị ngân hàng	Nguyễn Kim Anh	ĐHKQTĐ	2008

XIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

13.1. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Căn cứ vào kế hoạch thời khoá biểu của từng học kỳ, Nhà trường tổ chức lập kế hoạch lịch thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Việc tổ chức thi, trong đó bao gồm các khâu: lập lịch thi, chuẩn bị đề thi, coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo và công tác lưu trữ tài liệu thi được triển khai thực hiện theo theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHCNQN ngày 30

tháng 8 năm 2021 ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

13.2. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- c. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- d. Có chứng chỉ GDQP&AN và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- đ. Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Nhà trường.

Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần/năm. Thời gian xét tốt nghiệp sau khi kết thúc mỗi học kỳ. Trước khi xét, Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Phòng Đào tạo có trách nhiệm rà soát lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp thông qua Hội đồng để xét tốt nghiệp cho sinh viên. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch hội đồng, Trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng Phòng công tác học sinh sinh viên. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp. Sinh viên không tốt nghiệp sẽ được Nhà trường cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

13.3. Các chú ý khác

- Căn cứ vào tình hình thực tế, thứ tự bố trí các học phần trong các học kỳ có thể điều chỉnh nhưng phải đảm bảo điều kiện logic nhận thức khi học các học phần.

- Tổ chức thực hiện chương trình theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường.



TS. Hoàng Hùng Thắng